

Bài 1. TRUYỆN
(TRUYỀN THUYẾT VÀ CỔ TÍCH)

.....

Môn: Ngữ văn 6 - Lớp:

Số tiết: tiết

CHỮ MÀU XANH LÀ NHẬN XÉT VỀ GIÁO ÁN.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN
VĂN BẢN. THÁNH GIÓNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS xác định được chủ đề của truyện.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên truyện truyền thuyết: tình huống điển hình của cốt truyện, các chi tiết tiêu biểu, nhân vật có tính biểu trưng cho ý chí và sức mạnh của tập thể, lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo...
- HS nhận xét, đánh giá về một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện trong lời kể truyền thuyết.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- **Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...**

(Bài nào cũng chẳng giống nhau nhưng lại không cụ thể hóa nó như thế nào.)

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thánh Gióng*.
- **Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Thánh Gióng*.**

- **Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.**

- **Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.**

- **Một tiết dạy thì không thể thực hiện tất cả những năng lực như thế này. Hơn nữa tất cả các bài đều copy giống nhau.**

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng, tự hào về lịch sử dân tộc, tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU (Không có bất kỳ thiết bị dạy học nào phù hợp với dạy học phát triển năng lực.)

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về truyện Thánh Gióng
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu các nhóm thảo luận và thực hiện nhiệm vụ: + Theo em, người anh hùng là người như thế nào? Người đó có những phẩm chất và thành tích gì khiến em ngưỡng mộ? + Em đã biết tên người anh hùng nào trong lịch sử? Hãy kể tên 1 vài vị anh hùng? HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Người anh hùng là những người được ngưỡng mộ vì những phẩm chất cao cả hay thành tích phi thường, giúp ích cho nhiều người. Tiêu chuẩn của người anh hùng đầu tiên là yếu tố thành tích phi thường, có lợi ích cho cộng đồng. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về người anh hùng Thánh	- HS nêu suy nghĩ về người anh hùng. - HS kể tên người anh hùng theo hiểu biết của các em.

Gióng đã có công đánh đuổi giặc ngoại xâm trong buổi đầu dựng nước của dân tộc	
---	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Trong tất cả các PP dạy học phát triển năng lực như dạy học theo dự án dạy học đóng vai, dạy học đàm thoại , giải quyết vấn đề , hợp tác, dạy theo mẫu, dạy viết dựa trên tiến trình...và các kĩ thuật dạy học như Không tải bằng bản đồ tư duy, phòng tranh, 4 tranh ô vuông, KWL...thì giáo án chỉ tập trung 1 phương pháp cơ bản là đàm thoại, vấn đáp. Đây là PP đã thực hiện cả mấy thập niên qua trong khi phân mục tiêu lại đưa ra hàng loạt năng lực mà bài dạy hướng tới. Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: <i>Thánh Gióng thuộc thể loại truyện gì? Nhắc lại khái niệm? Xác định nhân vật chính của truyện?</i>	I. Tìm hiểu chung - Thể loại: truyện thuyết thuộc thể loại truyện thuyết thời đại Hùng Vương thời kì giữ nước. Giáo án này còn vô số điểm dở, Gv không thể dùng nó để soạn lại được vì nếu muốn sửa thì phải Vứt bỏ hoàn toàn

- GV hướng dẫn cách đọc:

+ Đoạn Gióng ra đời: giọng ngạc nhiên, hồi hộp: đoạn Gióng ra đời.

+ Đoạn Gióng trả lời sứ giả: giọng đồng dục, trang nghiêm.

+ Đoạn cả làng nuôi Gióng: giọng háo hức, phấn khởi.

+ Đoạn Gióng đánh giặc: khấn trương, mạnh mẽ.

+ Đoạn cuối: giọng chậm, nhẹ, xa vời, mang màu sắc huyền thoại.

GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.

- GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: *sứ giả, áo giáp, tây, truyền, khôi ngô, phúc đức, thụ thai, phi...*

- HS lắng nghe.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung:	
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + Tóm tắt văn bản Thánh Gióng + <i>Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?</i> + <i>GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo	3. Đọc- kể tóm tắt - Nhân vật chính: Gióng. - Ngôi kể: ngôi thứ ba - PTBD: tự sự Bố cục: 4 phần - P1: từ đầu... <i>nằm đấy</i> : Sự ra đời kỳ lạ của Gióng - P2: Tiếp... <i>cứu nước</i> : Sự trưởng thành của Gióng - P3: Tiếp... <i>lên trời</i> : Gióng đánh tan giặc và bay về trời - P4: Còn lại: Những vết tích còn lại của Gióng.

luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV bổ sung:

Như vậy, theo bố cục chúng ta vừa chia ở trên thì có các sự việc xoay quanh nhân vật Gióng. Vậy ở mỗi phần, thông qua hình tượng nhân vật Thánh Gióng nhân dân ta muốn gửi gắm điều gì? Để trả lời được câu hỏi đó, cô và các con sẽ đi tìm hiểu phần II.

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:

- GV yêu cầu HS nêu thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu chuyện.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi
- Dự kiến sản phẩm:
- + Thời gian: đời HV thứ sáu
 - + Không gian: không gian làng quê

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Sự ra đời của Gióng

- Thời gian, địa điểm: vua Hùng thứ 6, tại làng Gióng.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Gv bổ sung: Trong khoảng thời gian và không gian đó đã xảy ra sự việc: giặc Ân đã xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc rất mạnh, đất nước ra đối diện với một mối lâm nguy, thử thách to lớn là đánh đuổi giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi. Tại thời điểm này, lịch sử đòi hỏi nước ta phải có những cá nhân kiệt xuất, những người tài giỏi đánh giặc giúp dân cứu nước.

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

Hãy tìm những chi tiết kể về sự ra đời của Gióng? Có những chi tiết nào là chi tiết hoang đường? Qua đó, con có nhận xét gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- Vợ chồng ông lão phúc đức, hiếm muộn
- Bà mẹ ướm vào vết chân lạ
- > thụ thai

Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: + Cha mẹ Gióng là những người tốt bụng, hiền lành , được đền đáp xứng đáng □ thể hiện quan niệm của dân gian ở hiền gặp lành. + Có thể nói, ngay từ những chi tiết đầu tiên của câu chuyện đã đưa ta vào thế giới của những điều kì lạ. Ta chưa bao giờ gặp một bà mẹ ướm vào vết chân lạ mà có thai. Ta cũng chẳng thấy ai mang thai trong 12 tháng □ sự ra đời của một con người phi thường. Và những chi tiết hoang đường ấy càng cuốn hút ta vào câu chuyện mà ở đó trung tâm chính là cậu bé làng Gióng. Qua đây, cô muốn nhấn mạnh với các con rằng: sự ra đời kì lạ, khác thường của Gióng chính là mô-tip xây dựng nhân vật người anh hùng đặc trưng trong các truyện dân gian. Các con có thể tìm đọc	- Mang thai 12 tháng mới sinh - Gióng lên ba: không biết nói, cười, không biết đi. □ <i>Sự ra đời kì lạ, báo hiệu một con người phi thường</i> 2. Sự trưởng thành của Gióng
--	--

thêm các truyện trong dân gian Việt Nam để thấy rõ điều này nhé. NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi : Điều gì đã xảy ra tiếp theo? Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói gì? Em có nhận xét gì về tiếng nói ấy? Bà con xóm làng đã có hành động gì giúp đỡ Gióng? Kết quả của hành động đó? - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, ý nghĩa của các chi tiết: + <i>Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói đòi đi đánh giặc</i> + <i>Bà con góp gạo nuôi Gióng</i> + <i>Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai trở thành tráng sĩ</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Tiếng nói đầu tiên: + “Mẹ ra mời sứ giả vào đây” + “Ta sẽ phá tan lũ giặc này” - Bà con góp gạo nuôi chú bé. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	- Hoàn cảnh: Giặc Ân xâm lược. - Gióng cất tiếng nói muốn đi đánh giặc cứu nước. ☐ Tinh thần yêu nước của nhân dân ta. - Sau khi gặp sứ giả, Gióng lớn nhanh như thổi ☐ sự trưởng thành để đáp ứng nhiệm vụ cao cả. - Bà con góp gạo nuôi chú bé. ☐ thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân. Gióng là người anh hùng của nhân dân, được dân nuôi lớn, mang theo sức mạnh của toàn dân.
---	--

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

Tiếng nói đầu tiên:

- + “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”

- + “Ta sẽ phá tan lũ giặc này”

□ Đó là nhiệm vụ, sứ mệnh cao cả của Gióng là bảo vệ đất nước. Đáp ứng tiếng gọi cứu nước khi Tổ quốc lâm nguy.

- **GV** mở rộng: Tiếng nói đầu tiên của cậu bé là đòi đánh giặc:

- + Gióng là hình ảnh của nhân dân, khi dân tộc gặp cơn nguy biến thì họ sẵn sàng đứng ra cứu nước, giống như Gióng, khi vua vừa kêu gọi đã đáp lời cứu nước.

- + Chi tiết Gióng cất tiếng đầu tiên là đòi đánh giặc cũng hàm chứa 1 sự thật rằng: ở 1 đất nước luôn bị ngoại xâm như nước ta thì khả năng đánh giặc phải luôn thường trực từ tuổi bé thơ để đáp ứng lời kêu gọi của Tổ quốc, đúng như nhà thơ Tố Hữu đã từng viết:

“Ôi Việt Nam xứ sở lạ lùng

Đến em thơ cũng hóa những anh hùng

Đến ong đại cũng luyện thành dũng sĩ...”

- Bà con góp gạo nuôi chú bé.

Gióng lớn lên bằng thức ăn, đồ mặc của nhân dân, nuôi dưỡng bằng những cái bình thường, giản dị.

Chi tiết còn nói lên truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc ta từ thuở xưa.

ND ta rất yêu nước, ai cũng mong Gióng lớn nhanh ra trận đánh giặc.

□ Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của toàn dân. Một người không thể cứu nước, phải toàn dân hợp sức thì công cuộc đánh giặc cứu nước mới trở lên mau chóng.

- *Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ:*

Sự vươn vai của Gióng có liên quan đến truyền thống của truyện cổ dân gian. Thời cổ nhân dân ta quan niệm người anh hùng phải khổng lồ về thể xác, sức mạnh, chiến công. Thần Trụ trời, Sơn Tinh ... đều là những nhân vật khổng lồ. Cái vươn vai của Gióng để đạt đến độ phi thường ấy.

Sự lớn lên của Gióng đã đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ cứu nước. Khi lịch sử đặt ra vấn đề sống còn cấp bách, khi tình thế đòi hỏi dân tộc vươn lên một tầm vóc phi thường thì dân tộc ta vụt lớn dậy như Thánh Gióng, tự mình thay đổi tư thế tầm vóc của mình.

3.3. Gióng đánh giặc và bay về trời

- Tư thế, hành động:

+ phi thẳng đến nơi có giặc

+ Đón đầu, giết hết lớp này đến lớp khác

□ Sự oai phong, lẫm liệt, sức mạnh không thể địch nổi của tráng sĩ

- Khi roi sắt gãy, tráng sĩ nhồi bụi tre quật vào giặc

-Giặc tan, Gióng cười ngửa bay về trời.

NV5

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS trả lời:

+ *Chiến công phi thường mà Gióng đã làm nên là gì?*

- HS tiếp tục thảo luận và nêu ý nghĩa của chi tiết:

+ *Ngựa sẵn phun ra lửa, roi sắt quật vào giặc chết như ngã rã và những cụm tre cạnh đường quật giặc tan vỡ.*

+ *Tráng sĩ đánh giặc xong, cởi giáp sắt bỏ lại và bay thẳng lên trời.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Gióng đã đánh tan quân giặc.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

3.4. Những dấu tích còn lại

- Đền thờ Phù Đồng Thiên Vương

- Bụi tre đặng ngà

- Ao hồ liên tiếp

GV chuẩn kiến thức: - <i>Roi sắt gãy, Gióng nhỏ tre bên đường đánh giặc:</i> Chi tiết cho thấy sự sáng tạo, nhanh trí của Gióng Gióng đánh giặc không những bằng vũ khí mà bằng cả cỏ cây của quê hương đất nước, bằng bất cứ những gì có thể giết được giặc □ thể hiện quyết tâm giết giặc đến cùng. - <i>Giặc tan, Gióng cười ngựa bay về trời:</i> Nhân dân yêu mến, trân trọng muốn giữ mãi hình ảnh của người anh hùng nên đã để Gióng về với cõi vô biên, bất tử, sống mãi trong lòng dân tộc. Đánh giặc xong, Gióng không trở về nhận phần thưởng. Dấu tích của chiến công, Gióng để lại cho quê hương xứ sở (tên đất, tên làng, ao hồ...) NV6 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời: + <i>Lời kể nào trong truyện Thánh Gióng hàm ý rằng câu chuyện đã xảy ra trong quá khứ? Tìm chi tiết đó.</i> + <i>Theo em, ý nghĩa của hình tượng TG là gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	- Làng Cháy □ Thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng cứu nước giúp dân.
---	---

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: <i>Hiện nay, vẫn còn đền thờ ở làng.... làng Cháy</i> Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Đây cũng là một biểu hiện có tính chất đặc thù trong thi pháp truyền thuyết, Người kể chuyện truyền thuyết có ý muốn tạo niềm tin ở người đọc, người nghe truyền thuyết nên thường đưa vào các lời kể hàm ý về tính xác thực của câu chuyện. Đồng thời cũng cho thấy trí tưởng tượng phong phú của tác giả dân gian khi sáng tạo nhiều chi tiết sinh động, kì lạ làm tăng thêm vẻ đẹp linh thiêng, hấp dẫn cho nhân vật, gắn lịch sử với phong tục, địa danh nhằm biểu đạt ý nghĩa thiêng liêng: phong tục, địa danh của đất nước đã được “lịch sử đặt tên” nhờ những chiến công vĩ đại trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước của nhân dân.	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: * <i>Nội dung</i>: Truyện kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta. * <i>Ý nghĩa</i>: Truyện ca ngợi người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta. b. Nghệ thuật - Chi tiết tưởng tượng kì ảo
---	---

Hình tượng thánh gióng: tiêu biểu, rực rỡ của người anh hùng đánh giặc giữ nước. TG mang trong mình sức mạnh của cộng đồng ở buổi đầu dựng nước: sức mạnh vô hạn của tự nhiên đất nước, sức mạnh và ý chí của nhân dân – những người thợ thủ công anh hùng, những người nông dân, những binh lính anh hùng, Tầm vóc khổng lồ của TG là biểu động của sự kết tinh tất cả các sức mạnh đó. NV7 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Truyện có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện?</i> <i>Theo em, truyện đã phản ánh được hiện tượng và ước mơ gì của cha ông ta ?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	- Khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường)
--	---

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Truyện đã phản ánh công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của cha ông ta từ buổi đầu dựng nước. Đó là quá trình đấu tranh gian khổ, các thế hệ cha anh ta đã đổ biết bao xương máu để giữ gìn nền độc lập dân tộc cho đến hôm nay. Truyện cũng phản ánh ước mơ về người anh hùng, có đủ sức mạnh và trí tuệ, sẵn sàng chiến đấu khi Tổ quốc cần.	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Ý nghĩa hình tượng Thánh Gióng là gì?

- A. tượng trưng cho sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân
- B. biểu tượng về lòng yêu nước, sức mạnh chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.
- C. ước mơ của nhân dân ta về hình mẫu lí tưởng của người anh hùng chống giặc ngoại xâm thời kì đầu dựng nước.

D. Tất cả đều đúng

Câu 2: Trong truyện Thánh Gióng, cậu bé Gióng cất tiếng nói đầu tiên khi nào?

- A. Khi Gióng được sáu tuổi và đòi đi chăn trâu.
- B. Khi cha mẹ Gióng bị bệnh và qua đời.
- C. Khi nghe sứ giả của nhà vua thông báo công chúa kén phò mã.

D. Khi nghe sứ giả của nhà vua đi loan truyền tìm người tài giỏi cứu nước, phá giặc Ân.

Câu 3: Tác phẩm Thánh Gióng thuộc thể loại truyện dân gian nào?

A. Cổ tích.

B. Thần thoại.

C. Truyền thuyết.

D. Ngụ ngôn.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây nói đúng nhất về nhân vật Thánh Gióng trong truyền thuyết Thánh Gióng?

A. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng từ hình ảnh những người anh hùng có thật thời xưa.

B. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng dựa trên truyền thống tuổi trẻ anh hùng trong lịch sử và từ trí tưởng tượng bắt nguồn từ tinh thần yêu nước của nhân dân.

C. Thánh Gióng là một cậu bé kì lạ chỉ có trong thời kì đầu dựng nước.

D. Thánh Gióng là nhân vật do nhân dân tưởng tượng hư cấu nên để thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên.

Câu 5: Để ghi nhớ công ơn của Thánh Gióng, vua Hùng đã phong cho Thánh Gióng danh hiệu gì?

A. Đức Thánh Tản Viên.

B. Lưỡng quốc Trạng nguyên.

C. Bố Cái Đại Vương.

D. Phù Đổng Thiên Vương.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS:* Vì sao Đại hội thể dục thể thao dành cho học sinh phổ thông Việt Nam được lấy tên là Hội khoẻ Phù Đổng?

GV hướng dẫn HS viết một cách chân thực, xúc động, phù hợp với cảm xúc người viết

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN **VĂN BẢN THẠCH SANH**

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nêu được ấn tượng chung về văn bản.
- HS xác định được chủ đề của câu chuyện.
- HS tóm tắt được câu chuyện.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại truyện cổ tích: các kiểu nhân vật, các yếu tố kì ảo như con vật kì ảo, lời kể chuyện...

- HS nhận xét, đánh giá về bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- **Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...**

b. Năng lực riêng biệt:

- **Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thạch Sanh***
- **Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Thạch Sanh***
- **Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.**
- **Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.**

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Sống vị tha, yêu thương con người; trung thực, khiêm tốn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về truyện Thạch Sanh
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu các nhóm thảo luận và thực hiện nhiệm vụ: <i>Hãy tưởng tượng và vẽ một người anh hùng trong truyện cổ tích em đã đọc và giới thiệu về người anh hùng đó.</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Trong những vần thơ của Bài ca xuân 68, nhà thơ Tố Hữu đã ví von, so sánh hình ảnh những người lính bộ đội cụ Hồ với chàng dũng sĩ Thạch Sanh trong câu chuyện cổ tích của nhân dân ta được lưu	- HS nêu suy nghĩ về người anh hùng. - Thiết kế và trình bày lai lịch của một người anh hùng mà mình ngưỡng mộ.

truyền và gìn giữ qua hàng ngàn năm văn hoá dân tộc:

Hoan hô anh Giải phóng quân

Kính chào anh, con người đẹp nhất!

Lịch sử hôn anh, chàng trai chân đất

Sống hiên ngang, bất khuất trên đời

Như Thạch Sanh của thế kỷ hai mươi...

Vậy chàng Thạch Sanh có những tính cách, phẩm chất gì mà tác giả Tố Hữu đã nhắc đến trong những vần thơ cách mạng hào hùng kháng chiến chống Mĩ? Bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu và phân tích.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + <i>Thạch Sanh thuộc thể loại truyện gì?</i> <i>Nhắc lại khái niệm?</i> - GV hướng dẫn cách đọc: : to, rõ ràng, nhấn mạnh những chiến công của	I. Tìm hiểu chung - Thể loại: Thuộc truyện cổ tích kể về người dũng sĩ tài năng dũng cảm.

Thạch Sanh. Thể hiện giọng của từng nhân vật: Thạch Sanh thật thà, tin người; mẹ con Lí Thông nham hiểm, độc ác.

- GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó:

- HS lắng nghe.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

Dự kiến sản phẩm: Truyện cổ tích.

HS nhắc lại được khái niệm

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV bổ sung: Tuy Thạch Sanh mồ côi, nhưng chủ yếu truyện khắc họa hình ảnh người dũng sĩ tài năng dũng cảm cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa, chiến thắng quân xâm lược. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin vào

đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu hoà bình của nhân dân ta.	
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Xác định những sự kiện chính trong truyện</i> + <i>Truyện Thạch Sanh có những nhân vật nào? Nhân vật nào là chính? Vì sao em xác định như vậy?</i> + <i>Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?</i> + <i>GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Tóm tắt văn bản	3. Đọc- kể tóm tắt - Nhận vật: + Nhân vật chính: Thạch Sanh + Nhân vật phụ: Mẹ con Lí Thông, vua, công chúa... - Ngôi kể: ngôi thứ ba - PTBD: tự sự Bố cục: 4 phần - Đoạn 1: Từ đầu => <i>mọi phép thần thông</i>: Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh. - Đoạn 2: Tiếp => <i>Hoá kiếp thành bọ hung</i>: Những thử thách và chiến công của Thạch Sanh. - Đoạn 3: Phần còn lại: Hạnh phúc đến với Thạch Sanh.

1. Thạch Sanh là thái tử do Ngọc Hoàng sai xuống đầu thai làm con của hai ông bà lão nghèo ở quận Cao Bình.
- Bà mẹ mang thai TS mấy năm mới sinh. Lớn lên cậu được thiên thần dạy võ nghệ và phép thần thông.
2. Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lí Thông, bị Lí Thông lừa đi canh miếu thờ thế mạng, TS giết chằn tinh chặt đầu đem về, lại bị Lí Thông lừa, TS trở về gốc đa sống bằng nghề kiếm củi.
3. Lí Thông cướp công TS, được vua ban thưởng phong cho làm quận công.
4. Công chúa bị đại bàng bắt đi, vua sai LT đi tìm. LT nhờ Thạch Sanh giúp đỡ, TS xuống hang giết đại bàng cứu công chúa, bị Lí Thông lấp kín cửa hang.
5. TS cứu Thái Tử con vua Thủy Tề, được thưởng cây đàn thần.
6. Hồn chằn tinh và đại bàng lập mưu hãm hại, TS bị bắt vào ngục. Chàng gảy đàn, tiếng đàn chữa khỏi bệnh câm cho công chúa. Thạch Sanh được giải oan. TS tha tội cho mẹ con LT nhưng chúng đã bị sét đánh chết và biến thành bộ hung.
7. TS cưới công chúa, hoàng tử các nước chư hầu kéo quân tiến đánh, TS đem đàn ra gảy, quân lính ... các hoàng tử cỡi giáp xin hàng.

8. TS mời cơm quân sĩ 18 nước chư hầu, niêu cơm tí xíu mà ăn mãi không hết. 9. Vua nhường ngôi cho TS. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng - GV đặt câu hỏi chuyển ý bằng câu hỏi: Sau khi đọc xong truyện, em có thích truyện Thạch Sanh không? Vì sao? GV khuyến khích HS bày tỏ chân thật, hồn nhiên cảm xúc và suy nghĩ của mình NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: - GV đặt câu hỏi: + <i>Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh</i> GV khuyến khích HS bày tỏ chân thật, hồn nhiên cảm xúc và suy nghĩ của mình - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Nhân vật Thạch Sanh <i>a. Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh</i> Sinh ra trong một gia đình nghèo, sống bằng nghề kiếm củi. - Là Thái Tử do Ngọc Hoàng sai xuống đầu thai. - Mẹ mang thai nhiều năm mới sinh ...
--	--

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: HS tóm tắt được các chi tiết về hoàn cảnh ra đời của TS. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng Gv bổ sung: Chi tiết khác thường: Nhận vật mồ côi, nhà nghèo là một kiểu dạng nhân vật điển hình, xuất hiện trong những câu chuyện cổ tích VN. Đó cũng là sự hình tượng hoá kiểu thân phận điển hình trong xã hội phong kiến VN trước đây. Những chi tiết khác thường: Tô đậm tính chất kỳ lạ, lớn lao, đẹp đẽ, độc đáo của mẫu người dũng sĩ trong ước mơ của nhân dân. Làm câu chuyện càng trở nên hấp dẫn, đó cũng chính là cơ sở cho những chiến công sau này của Thạch Sanh. NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	- Được thần dạy võ nghệ và phép thần thông. => Chi tiết tưởng tượng kì ảo thể hiện quan niệm của nhân dân về người dũng sĩ tài năng với vẻ đẹp kỳ lạ, lớn lao, phi thường nhưng cũng rất gần gũi với nhân dân, có nguồn gốc từ nhân dân lao động.
---	--

HS thảo luận theo nhóm: Phiếu bài tập số 1 (bài 1,2) <i>a. Hãy liệt kê những chi tiết miêu tả hành động của TS. Qua những lần thử thách ấy, em thấy TS bộc lộ những phẩm chất gì?</i> <i>b. Nếu sau khi trở về cung, công chúa không bị câm thì theo em điều gì sẽ xảy ra?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: a. TS trải qua 4 thử thách 1. TS bị mẹ con Lý Thông lừa đi canh miếu thờ để thế mạng. □ TS giết chết chằn tinh. 2. TS xuống hang diệt đại bàng cứu công chúa, bị Lý Thông lừa lấp cửa hang □ TS cứu thái tử con vua Thủy tề và được vua Thủy tề tặng cây đàn thần. 3. Hồn chằn tinh và đại bàng bày mưu báo thù, Thạch Sanh bị bắt hạ ngục. □ Tiếng đàn của Thạch sanh chữa khỏi bệnh cho công chúa, TS được giải oan và kết hôn cùng công chúa. 4. Hoàng tử 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh. □ TS gây đàn, quân 18 nước chư hầu xin hàng.	<i>b. Những thử thách và chiến công của Thạch Sanh</i> - TS đã trải qua 4 thử thách : <table border="1"> <thead> <tr> <th>Những thử thách</th><th>Chiến công của TS</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- TS bị mẹ con Lý Thông lừa đi canh miếu thờ để thế mạng.</td><td>TS giết chết chằn tinh</td></tr> <tr> <td>- TS xuống hang diệt đại bàng cứu công chúa, bị Lý Thông lừa lấp cửa hang</td><td>TS cứu thái tử con vua Thủy tề và được vua Thủy tề tặng cây đàn thần.</td></tr> <tr> <td>- Hồn chằn tinh và đại bàng bày mưu báo thù, Thạch Sanh bị bắt hạ ngục.</td><td>Tiếng đàn của Thạch sanh chữa khỏi bệnh cho công chúa, TS được giải oan và kết hôn cùng công chúa.</td></tr> <tr> <td>- Hoàng tử 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh.</td><td>TS gây đàn, quân 18 nước chư hầu xin hàng.</td></tr> </tbody> </table>	Những thử thách	Chiến công của TS	- TS bị mẹ con Lý Thông lừa đi canh miếu thờ để thế mạng.	TS giết chết chằn tinh	- TS xuống hang diệt đại bàng cứu công chúa, bị Lý Thông lừa lấp cửa hang	TS cứu thái tử con vua Thủy tề và được vua Thủy tề tặng cây đàn thần.	- Hồn chằn tinh và đại bàng bày mưu báo thù, Thạch Sanh bị bắt hạ ngục.	Tiếng đàn của Thạch sanh chữa khỏi bệnh cho công chúa, TS được giải oan và kết hôn cùng công chúa.	- Hoàng tử 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh.	TS gây đàn, quân 18 nước chư hầu xin hàng.
Những thử thách	Chiến công của TS										
- TS bị mẹ con Lý Thông lừa đi canh miếu thờ để thế mạng.	TS giết chết chằn tinh										
- TS xuống hang diệt đại bàng cứu công chúa, bị Lý Thông lừa lấp cửa hang	TS cứu thái tử con vua Thủy tề và được vua Thủy tề tặng cây đàn thần.										
- Hồn chằn tinh và đại bàng bày mưu báo thù, Thạch Sanh bị bắt hạ ngục.	Tiếng đàn của Thạch sanh chữa khỏi bệnh cho công chúa, TS được giải oan và kết hôn cùng công chúa.										
- Hoàng tử 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh.	TS gây đàn, quân 18 nước chư hầu xin hàng.										

b. Nếu công chúa không bị câm, có thể nhà vua đã gả cho Lí Thông.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

=> Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức và bổ sung:

Nàng công chúa không nói, không cười thuộc mô-típ *người câm* quen thuộc trong truyện cổ tích. Đây là một sự hình tượng hoá các nhân vật đang mang chịu một nỗi uất ức hay che giấu một điều bí mật nào đó chưa thể hoặc không thể tiết lộ ra. Đó cũng là một hình thức “giãn cách” thời gian tạm thời để chờ đợi sự xuất hiện của nhân vật chính. Nàng công chúa trong truyện *Thạch Sanh* không nói gì như một hình thức từ chối/ không nhận kẻ giả mạo Lí Thông. Chỉ đến khi nghe tiếng đàn của Thạch Sanh (nhân vật chính đã xuất hiện trở lại), công chúa mới lên tiếng để trao cho Thạch Sanh cơ hội vạch mặt kẻ giả mạo.

=> Qua các thử thách, TS đã bộc lộ nhiều phẩm chất đáng quý:

- + Thật thà chất phác,
- + Dũng cảm, tài giỏi,
- + Nhân ái, yêu hoà bình.

Nếu công chúa không bị câm thì có thể' nàng sẽ nói cho nhà vua biết toàn bộ sự thật và câu chuyện sẽ đi theo một kết cục khác. Tuy nhiên, đó không phải là dụng ý của tác giả dân gian. Chức năng giải mã bí mật, phơi bày sự thật, vạch mặt kẻ giả mạo trong câu chuyện này không được đặt ở nhân vật công chúa.

Gv chuyển ý: Đối lập với TS là LT, một kẻ xảo trá, hèn nhát bất tài, ích kỉ, tham lam, độc ác (biểu hiện của kẻ ác)

NV4:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi :

- GV yêu cầu HS:

1. Hãy liệt kê các chi tiết miêu tả hành động của Lí Thông? Qua đó em nhận xét gì về nhân vật này?

2. Hãy chỉ ra sự đối lập giữa TS và LT

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

2. Nhân vật Lí Thông

Tính cách của LT bộc lộ qua các hành động :

- Gian trá, xảo quyệt

- Tàn nhẫn, vô lương tâm:

- Tiểu nhân, bạc nhược, thấp hèn

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: - GV bổ sung: Như vậy, Thạch Sanh và Lí Thông đại diện cho 2 tuyến nhân vật thiện và ác trong truyện cổ tích. NV5 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập 1 trong PBT.: <i>Liệt kê các con vật và đồ vật kì ảo xuất hiện trong truyện? Ý nghĩa của các chi tiết</i> - HS tiếp tục thảo luận và nêu ý nghĩa của chi tiết: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Các con vật kì ảo: trăn tinh, đại bàng các đồ vật thần kì: chiếc cung tên vàng, cây đàn thần, niêu cơm thần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	3. Ý nghĩa của một số chi tiết thần kì - Tiếng đàn ... là đại diện cho công lý, thể hiện ước mơ về lẽ công bằng trong xã hội và tinh thần yêu hoà bình của nhân dân ta. - Niêu cơm dù nhỏ nhưng ăn mãi không hết thể hiện ước mơ về một cuộc sống no ấm, tượng trưng cho tấm lòng nhân ái, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân ta. ☐ Các chi tiết tưởng tượng kì ảo mang lại cho truyện màu sắc thần kì, đồng thời thể hiện sự tư tưởng của nhân dân : những người hiền
---	--

bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

=> Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

Truyện kết thúc có hậu, thể hiện tư tưởng của nhân dân “ở hiền gặp lành”. Kết hôn và lên ngôi là mô-típ quen thuộc thường thấy ở nhiều câu chuyện. Là phần thưởng mà tác giả đã dành dành cho nhân vật tốt bụng, tài năng. Đó cũng là ước mơ của nhân dân ta về một vị vua hiền lành, đủ đức đủ tài để cai quản đất nước.

Đồng thời, những kẻ gieo gió ắt gặp bão. Mẹ con LT dù được TS bao dung, độ lượng tha tội nhưng vẫn bị trời trừng phạt. Thể hiện thái độ kiên quyết: Cái ác sẽ bị trừng trị đích đáng. Nếu chết đi, thì chưa đủ. Hai mẹ con còn bị biến thành bọ hung, loài vật... sống ở những nơi ... Những kẻ xấu xa bạc ác như mẹ con LT không chỉ bị trừng trị ở đời này kiếp này, mà mãi mãi về sau, cho dù có đầu thai kiếp khác cũng vẫn bị người đời xa lánh khinh rẻ.

NV7

III. Tổng kết

1. Nội dung – Ý nghĩa:

* *Nội dung*: Thạch Sanh là truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng cứu người...

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Truyện có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	- Ý nghĩa: Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về công lý xã hội, sự chiến thắng cuối cùng của những con người chính nghĩa lương thiện. b. Nghệ thuật - Chi tiết tưởng tượng kì ảo - Khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường)
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Đóng vai các nhân vật để tái hiện lại chiến công của Thạch Sanh

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: chia lớp thành 3 tổ, yêu cầu hoạt động cá nhân theo tổ

- Mỗi nhóm chọn một lá thăm trong đó có ghi lại một trong những chiến công của TS: giết chằn tinh, bắn đại bàng bị thương, đuổi giặc chur hầu bằng tiếng đàn.

- Hãy đóng vai các nhân vật kể lại những chiến công của TS.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

1. Trong cuộc sống, đôi khi có người thốt lên câu nói:

Thời buổi của khó người khôn

Thạch Sanh thì ít, Lí Thông thì nhiều

Theo em, những người như thế nào được gọi là Lí Thông? Thái độ của em với những hạng người đó như thế nào?

2. (Bài tập về nhà) Dũng sĩ là người có lòng dũng cảm, chiến đấu diệt trừ cái ác, bảo vệ cuộc sống của cộng đồng. Viết đoạn văn 5-7 câu kể về một dũng sĩ mà em gặp ngoài đời hoặc biết qua sách báo, truyện kể.

GV hướng dẫn HS: cần viết đúng chủ đề, cảm xúc chân thật.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học		
--	--	--	--

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhiệm vụ: đọc truyện *Thạch Sanh* và thực hiện các yêu cầu.

1. Hoàn thành sơ đồ sau bằng cách điền từ ngữ phù hợp vào chỗ trống.

Con vật kì ảo:	Đặc điểm/ ý nghĩa:
Đồ vật kì ảo:	Đặc điểm/ ý nghĩa:

2. Liệt kê các chi tiết (tiêu biểu) miêu tả hành động của Thạch Sanh:

.....

3. Liệt kê các chi tiết (tiêu biểu) miêu tả hành động của Lý Thông:

.....

4. Từ kết quả của bài tập 2 và 3, hãy lập bảng so sánh và nhận xét về đặc điểm của hai nhân vật Thạch Sanh và Lý Thông:

Thạch Sanh	Lý Thông
.....	

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nhận biết được từ đơn, từ phức (từ ghép và từ láy)

- Phân biệt được từ ghép và từ láy.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ, thành ngữ trong VB và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	

GV đặt câu hỏi: Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv dẫn dắt: Ở Tiểu học, các em đã được học về tiếng và từ. Tuy nhiên để giúp các em có thể hiểu sâu hơn và sử dụng thành thạo hơn từ tiếng việt, chúng ta sẽ đến với nội dung Thực hành Tiếng Việt	
---	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về từ đơn, từ phức

- a. Mục tiêu:** Nắm được cách xác định từ đơn, từ ghép, từ láy.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

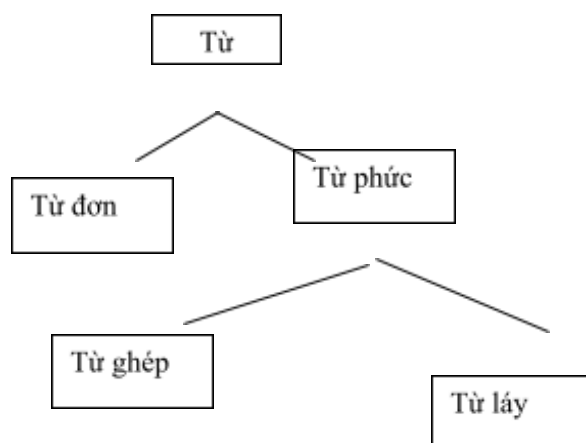
HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 : Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Dựa vào kiến thức đã học từ tiểu học, hãy xác định các từ đơn, từ ghép, từ láy trong câu văn sau: <i>Bài 1</i>	I. Từ đơn và từ phức 1. Từ đơn Từ đơn là từ chỉ có một tiếng, ví dụ: <i>ông, bà, nói, cười, đi, mừng,...</i> 2. Từ phức (từ ghép, từ láy)

a. *Sứ giả/ vừa / kinh ngạc, / vừa / mừng rỡ,/ vội vàng / về / tàu / vua.*

b. *Từ/ngày/công chúa/bị/mất tích,/nhà vua/vô cùng/đau đớn.*

- Gv đặt tiếp câu hỏi: *Em hãy nhận xét số tiếng của các từ. Em hiểu thế nào là từ đơn, từ phức? Trong những từ phức, từ nào có tiếng quan hệ về nghĩa, từ nào có các tiếng quan hệ về âm? Em hiểu thế nào là từ ghép, từ láy?*

Dựa vào sơ đồ sau đây, hãy trình bày cấu tạo của từ



- HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện nhiệm vụ

+ Dự kiến sản phẩm:

Kiểu CT từ	Ví dụ
Từ đơn	a. vừa, về, tàu, vua.
	b. từ, ngày, bị.

- Từ phức là từ có hai hay nhiều tiếng, ví dụ: *cha mẹ, hiền lành, hợp tác xã, sạch sẽ, sạch sành sanh,...*

- Từ ghép là từ phức do hai hay nhiều tiếng có quan hệ về nghĩa với nhau tạo thành, ví dụ: *cha mẹ, hiền lành, khôn lớn, làm ăn,...; đỏ lòe, xanh um, chịu khó, phá tan,...*

+ Từ láy là từ phức do hai hay nhiều tiếng có âm đầu hoặc vần (hoặc cả âm đầu và vần) giống nhau tạo thành, ví dụ: *chăm chỉ, thật thà, lim dim, lúi thúi, từ từ,...*

Từ phức	Từ ghép	a. sứ giả, kinh ngạc, mừng rỡ b. công chúa, mất tích, nhà vua, vô cùng
	Từ láy	a. vội vàng. b. đau đớn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.

- GV củng cố kiến thức: Từ tiếng việt có thể do một tiếng hoặc nhiều tiếng tạo thành.

Gv mở rộng:

Trừ trường hợp lặp lại nguyên vẹn một tiếng có nghĩa như *xanh xanh, ngời ngời,...* trong các tiếng tạo thành từ láy, chỉ một tiếng có nghĩa hoặc tất cả các tiếng đều không nghĩa. Đây là điểm phân biệt từ láy với những từ ghép ngẫu nhiên có sự trùng lặp ngữ âm giữa các tiếng tạo thành như: *hoa hồng, học hành, lí lẽ, gom góp,...*

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: làm bài tập 2 GV hướng dẫn HS cách để tạo ra từ ghép. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: a) Ghép các yếu tố có nghĩa gần nhau hoặc giống nhau: làng xóm, ngày đêm, tìm kiếm, phải trái, tài giỏi, hiền lành, trốn tránh, giẫm đạp b) Ghép các yếu tố có nghĩa trái ngược nhau: trước sau, trên dưới, đầu đuôi, được thua, bờ cõi, non yếu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu	Bài tập 2/ trang 24 a) Ghép các yếu tố có nghĩa gần nhau hoặc giống nhau: làng xóm, ngày đêm, tìm kiếm, phải trái, tài giỏi, hiền lành, trốn tránh, giẫm đạp b) Ghép các yếu tố có nghĩa trái ngược nhau: trước sau, trên dưới, đầu đuôi, được thua, bờ cõi, non yếu.

trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại

kiến thức => Ghi lên bảng

Gv kết luận: như vậy từ ghép có thể tạo ra bằng cách ghép các yếu tố có nghĩa gần nhau hoặc giống nhau hoặc ghép các yếu tố có nghĩa trái ngược nhau.

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS làm bài tập 3, xếp các từ ghép thuộc cùng nhóm về chất liệu, cách chế biến, tính chất, hình dáng của món ăn.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

a) Chỉ chất liệu để làm món ăn: bánh tẻ, bánh khoai, bánh đậu xanh, bánh cốm, bánh tôm

b) Chỉ cách chế biến món ăn: bánh nướng

Bài 3/Trang 24

a) Chỉ chất liệu để làm món ăn: bánh tẻ, bánh

khoai, bánh đậu xanh, bánh cốm, bánh tôm

b) Chỉ cách chế biến món ăn: bánh nướng

c) Chỉ tính chất của món ăn: bánh xốp

d) Chỉ hình dáng của món ăn: bánh tai voi, bánh bèo, bánh khúc

c) Chỉ tính chất của món ăn: bánh xốp

d) Chỉ hình dáng của món ăn: bánh tai voi, bánh bèo, bánh khúc

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận
+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng
GV chuẩn kiến thức:

NV4:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận
+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bài 4/ trang 25

a) Gọi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật: lủi thủi, rười rượi, rón rén

b) Gọi tả âm thanh: véo von

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Từ láy là những từ gọi tả về dáng hình, trạng thái hay âm thanh.	Bài 4/ trang 31 - Niêu cơm Thạch Sanh: là niêu cơm ăn không bao giờ hết, nguồn cung cấp vô hạn - Một số thành ngữ hình thành từ các truyện kể: hiền như cô Tấm,...
--	---

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5-7 câu) miêu tả người anh hùng Thạch Sanh hoặc Thánh Gióng. Chỉ ra trong đoạn văn từ đơn, từ ghép và từ láy.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Tổ chức trò chơi	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS xác định được chủ đề của truyện.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên truyện truyền thuyết: tình huống điển hình của cốt truyện, các chi tiết tiêu biểu, nhân vật có tính biểu trưng cho ý chí và sức mạnh của tập thể, lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo...
- HS hiểu và cảm nhận được nội dung, ý nghĩa của truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm*: Nhân vật, sự kiện trong tác phẩm thuộc truyền thuyết địa danh; Cốt lõi lịch sử trong một tác phẩm thuộc chuỗi truyền thuyết về người anh hùng Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

- Nắm được sơ lược vẻ đẹp của một số hình ảnh, chi tiết kì ảo giàu ý nghĩa trong tác phẩm.

- HS nhận xét, đánh giá về một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện trong lời kể truyền thuyết.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Sự tích Hồ Gươm*.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Sự tích Hồ Gươm*.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Yêu quý tự hào về những địa danh, di tích lịch sử và truyền thống dân tộc: lòng yêu nước, yêu hoà bình, tinh thần chống xâm lược. Từ đó ý thức được trách nhiệm bảo vệ, gìn giữ những danh thắng, di tích đó và phát huy truyền thống dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về truyện Cây khế
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS quan sát hình ảnh Hồ Gươm và đặt câu hỏi: <i>Hãy cho biết đây là danh thắng nào ở nước ta? Hãy nêu những hiểu biết của em về danh thắng đó.</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Đây là danh thắng nổi tiếng của thủ đô Hà nội. Địa danh này gắn với tên tuổi người anh hùng Lê Lợi và xuất phát từ một truyền thuyết – Sự tích Hồ Gươm. Vậy truyền thuyết này có những đặc sắc gì về nội dung và nghệ thuật? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu văn bản này.	- HS nêu được tên danh lam thắng cảnh Hồ Gươm. - Giới thiệu những hiểu biết của mình về Hồ Gươm.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: <i>Sự tích HG thuộc thể loại nào trong truyện dân gian?</i> - GV hướng dẫn cách đọc: GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. Yêu cầu giọng đọc: giọng chậm rãi, gợi không khí cổ tích. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: <i>bạo ngược, thiên hạ, tùy tùng, phó thác, Tả Vọng, Hoàn Kiếm.</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện	I. Tìm hiểu chung 1. Thể loại - Truyện <i>Sự tích HG</i> thuộc thể loại truyền thuyết địa danh: Loại truyền thuyết giải thích nguồn gốc lịch sử của một địa danh.

nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: <i>Sự tích Hồ Gươm</i> là một trong những truyền thuyết tiêu biểu nhất về hồ Hoàn Kiếm và về Lê Lợi.	
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Tóm tắt văn bản Sự tích HG? Chi tiết nào khiến em thích nhất?</i> + <i>Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy?</i> + <i>GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	2. Đọc- kể tóm tắt - Ngôi kể: ngôi thứ ba - PTBD: tự sự 3. Bố cục: 3 phần - P1: Từ đầu đến <i>đất nước</i> : Long Quân cho nghĩa quân mượn gươm thần. - P2: Còn lại: Long Quân đòi lại gươm thần.

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Ngôi kể: ngôi thứ ba - PTBD: tự sự - Tóm tắt: Các sự việc chính: - Giặc Minh đô hộ, nghĩa quân Lam Sơn nổi dậy nhưng thất bại, Long Quân quyết định cho mượn gươm thần. - Lê Thận đi đánh cá, ba lần kéo lưới đều thấy lưỡi gươm, bèn mang về nhà. - Lê Lợi đến nhà Thận, thấy lưỡi gươm phát sáng, cầm lên xem. - Lê Lợi thua trận, chạy vào rừng, tình cờ bắt được chuôi gươm. - Lê Lợi gặp lại Thận, kể lại truyện, hai người đem gươm ra tra vào nhau vừa như in. Lê Thận cùng tướng lĩnh nguyện một lòng phò Lê Lợi cứu nước. Từ đó nghĩa quân nhanh chóng quét sạch giặc ngoại xâm. - Đất nước thanh bình, Lê Lợi lên làm vua, Long Quân sai Rùa Vàng đòi lại gươm thần. - Vua trả gươm, từ đó hồ Tả Vọng mang tên Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận	
--	--

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV bổ sung:

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi:

1. Long quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần trong hoàn cảnh nào?

2. Ba Lần kéo lưới của Lê Thận có gì đáng chú ý?

3. Lê Lợi đã nhận được gươm thần như thế nào?
Cách Long Quân cho Lê Lợi và nghĩa quân mượn gươm có ý nghĩa gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

- Hoàn cảnh: Giặc Minh đô hộ. Nghĩa quân Lam Sơn còn yếu nên đã nhiều lần bị thua -> Long Quân cho mượn gươm.

- Ba lần Lê Thận đều kéo lưới được một lưỡi gươm

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần đánh giặc

luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

Gv bổ sung: Việc Long Quân cho Lê Lợi và nghĩa quân mượn gươm chứng tỏ đây là cuộc khởi nghĩa chính nghĩa, được tổ tiên, thần thiêng ủng hộ, giúp đỡ.

Long Quân không trực tiếp cho Lê Lợi mượn gươm mà do Lê Thận ba lần thả lưới bắt được lưỡi gươm ở dưới sông và khi Lê Lợi chạy giặc mới nhặt được chuôi gươm ở trên rừng -> tra vào nhau vừa in -> thanh gươm là tượng trưng cho sức mạnh của toàn dân tham gia đánh giặc.

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi:

+ *Tìm những chi tiết cho thấy thanh gươm này là thanh gươm thần kì?*

+ *Nêu ý nghĩa chi tiết thanh gươm phát sáng ở xó nhà; ý nghĩa của từ “thuận thiên”?*

+ *So sánh thế lực của nghĩa quân trước và sau khi có gươm?*

- Thanh gươm thần kì là tượng trưng cho sức mạnh của toàn dân tham gia đánh giặc.

Thể hiện sự thiêng liêng, thanh gươm gặp được minh chủ sử dụng vào việc lớn => phát sáng => dưới hợp lòng dân, trên thuận ý trời.

- GV đặt câu hỏi:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

+ Các chi tiết: sang rực, sáng lạ... *cho thấy thanh gươm này là thanh gươm thần kì*

+ Ý nghĩa: Thể hiện sự thiêng liêng, thanh gươm gặp được minh chủ sử dụng vào việc lớn => phát sáng => dưới hợp lòng dân, trên thuận ý trời.

+ So sánh

<i>Trước khi có gươm</i>	<i>Sau khi có gươm</i>
- Non yếu	- Nhuệ khí tăng tiến
- Trốn tránh	- Xông xáo tìm địch
- Ăn uống khổ sở	- Đầy đủ, chiếm được các kho lương của địch

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

2. Long Quân đòi gươm

- Hoàn cảnh:

+ Đất nước, nhân dân đã đánh đuổi được giặc Minh.

+ Lê Lợi lên ngôi vua, nhà Lê dời đô về Thăng Long.

NV4:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi :

+ Long Quân đòi gươm trong hoàn cảnh nào?

+ Em biết truyền thuyết nào của nước ta cũng có hình ảnh rùa vàng đòi gươm? Theo em, hình tượng rùa vàng trong truyền thuyết VN tượng trưng cho ai và cho cái gì?

+ Ý nghĩa chi tiết rùa vàng đòi gươm?

+ Vì sao khi mượn gươm thì ở Thanh Hoá, còn khi trả gươm lại ở hồ Tả Vọng?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

- Hoàn cảnh:

+ Đất nước, nhân dân đã đánh đuổi được giặc Minh.

+ Lê Lợi lên ngôi vua, nhà Lê dời đô về Thăng Long.

- Truyền thuyết An Dương Vương - Hình ảnh rùa vàng là sử giả của Long Quân, tượng trưng cho tổ tiên, khí thiêng sông núi, tư tưởng, tình cảm, trí tuệ của nhân dân.

cáo kết quả hoạt động và thảo luận

III. Tổng kết

1. Nội dung – Ý nghĩa:

* *Nội dung:* Truyện giải thích nguồn gốc tên gọi Hồ Hoàn Kiếm, ca ngợi cuộc

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng <i>GV bổ sung:</i> Con người VN vốn là những con người hiền lành, chất phác, yêu lao động nhưng khi đất nước lâm nguy những con người ấy sẵn sàng xả thân vì đất nước “Rũ bùn đứng dậy sáng loà”. Đất nước thanh bình, chính những con người ấy “Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa”. => Tinh thần yêu hòa bình, quyết tâm chống xâm lăng, niềm kiêu hãnh về một đất nước nghìn năm văn hiến. Thanh gươm được mượn ở Thạch Hoá vì <i>Thanh Hoá là nơi mở đầu cuộc khởi nghĩa, Thăng Long là nơi kết thúc cuộc kháng chiến. Tra kiếm ở hồ Tả Vọng, thủ đô, trung tâm chính trị, văn hoá của cả nước là để mở ra một thời kì mới, thời kì hoà bình, lao động, xây dựng, thể hiện hết được tư tưởng yêu hoà bình và tinh thần cảnh giác của cả nước của toàn dân.</i> NV5 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + <i>Truyện có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện?</i>	kháng chiến chính nghĩa chống giặc Minh do Lê Lợi lãnh đạo đã chiến thắng vẻ vang. * <i>Ý nghĩa:</i> Truyện khẳng định ý nguyện đoàn kết, khát vọng hòa bình của dân tộc ta. b. Nghệ thuật - Xây dựng chi tiết kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện. - Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.
---	---

+ *Truyện muốn ca ngợi hay giải thích điều gì ?*
Điều ấy có ý nghĩa như thế nào ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

1. Đóng vai Lê Lợi kể lại truyện Sự tích HG.

2. Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Trong truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm, đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn vật gì?

A. Thanh gươm thần.

B. Chiếc nỏ thần.

C. Bản đồ chỉ dẫn vào doanh trại quân giặc.

D. Lá cờ thêu sáu chữ vàng.

Câu 2: Chi tiết Lê Lợi được trao gươm báu trong truyện Sự tích Hồ Gươm thể hiện:

A. Lê Lợi là người "nhà Trời" được cử xuống giúp dân ta đánh giặc.

B. Tính chất chính nghĩa, hợp lòng dân, ý trời của cuộc khởi nghĩa

C. Niềm tin vững chắc của nhân dân ta đối với sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa.

D. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn được sự giúp đỡ, phù trợ của thánh thần.

Câu 3: Nhân vật nào trong truyền thuyết nhận được thanh gươm đầu tiên?

A. Lê Lợi.

B. Lê Lai.

C. Nguyễn Trãi.

D. Lê Thận.

Câu 4: Sau khi nhận được báu vật của đức Long Quân, uy thế của nghĩa quân như thế nào?

A. Mạnh lên gấp bội và đuổi được quân xâm lược ra khỏi bờ cõi.

B. Ngày một tăng, đánh thắng nhiều trận, làm cho quân xâm lược hoang mang.

C. Không có nhiều thay đổi do không có người biết sử dụng.

D. Yếu hơn so với lúc chưa có báu vật.

Câu 5: Khẳng định truyện Sự tích Hồ Gươm là một truyền thuyết vì:

A. Câu chuyện kể về hoạt động của Lê Lợi và nghĩa quân trong quá trình khởi nghĩa.

B. Câu chuyện kể về Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa chống quân Minh được kể lại bằng trí tưởng tượng, bằng sự sáng tạo lại hiện thực lịch sử.

C. Câu chuyện ghi chép hiện thực lịch sử cuộc kháng chiến chống quân Minh.

D. Câu chuyện được sáng tạo nhờ trí tưởng tượng, hư cấu vô cùng phong phú của tác giả dân gian

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Từ chi tiết Lê Lợi trả gươm trong truyện, em có suy nghĩ gì về trách nhiệm của bản thân trong việc giữ gìn hòa bình trong giai đoạn hiện nay?

GV đưa ra yêu cầu: không phá vỡ tính chính thể của thể giới cổ tích.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRUYỆN TRUYỀN THUYẾT HOẶC TRUYỆN CỔ TÍCH

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS biết dùng ngôi thứ nhất để kể lại một truyện thuyết, truyện cổ tích đã biết. HS biết chọn nhân vật kể chuyện, điểm nhìn thích hợp; sử dụng lời kể phù hợp; biết cách kể lại truyện vừa đảm bảo nội dung của truyện gốc vừa có những sáng tạo mới mẻ. Người kể có thể thay đổi từ ngữ, cách đặt câu, thêm một vài chi tiết, thêm các yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc có một kết thúc khác theo hình dung, tưởng tượng của mình.
- HS biết tóm tắt và kể lại một câu chuyện một cách trọn vẹn, đồng thời phát huy được trí tưởng tượng, năng lực sáng tạo trong sử dụng ngôn ngữ trần thuật, miêu tả.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Các truyện cổ tích vừa học được kể từ ngôi thứ mấy? - Gv đặt câu hỏi: <i>Thử tưởng tượng một nhân vật trong các truyện cổ tích hoặc truyền thuyết hiện ra và kể lại câu chuyện liên quan đến mình thì nhân vật ấy sẽ kể lại như thế nào?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	

- GV nhận xét, đánh giá <i>GV dẫn dắt vài bài:</i> Bài học hôm nay sẽ giúp các em có được những kĩ năng kể lại một truyện cổ tích, truyền thuyết mà em biết.	
--	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + <i>Bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích cần đáp ứng những yêu cầu gì?</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm:	I. Tìm hiểu chung 1. Yêu cầu đối với bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích: Dùng lời văn của mình để kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích đã học, đã đọc. Không chép lại nguyên văn câu chuyện trong sách. Người kể có thể thay đổi từ ngữ, cách đặt câu, thêm một vài chi tiết, thêm các yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc nêu ra một kết thúc

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	khác theo hình dung, tưởng tượng của mình. Nếu đề bài không yêu cầu kể một truyện nhất định, có thể lựa chọn truyện mà mình thích nhất.
--	---

Hoạt động 2: Thực hành

a. Mục tiêu: Nắm được cách làm bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu: Chúng ta cùng phân tích ví dụ trong SGK về cách làm bài văn Kể lại truyện thuyết Thánh Gióng - GV yêu cầu HS quan sát sách và trả lời: <i>Để viết một bài văn kể lại truyện truyền thuyết hoặc cổ tích được tốt, chúng ta cần làm theo mấy bước?</i>	2. Phân tích ví dụ 3. Nhận xét - Chuẩn bị: ghi lại những sự kiện chính, tưởng tượng về nhân vật Thánh Gióng. Suy nghĩ về những chi tiết, hình ảnh, từ ngữ biểu cảm có thể thêm vào. - Tìm ý và lập dàn ý:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Làm theo 3 bước - Chuẩn bị: ghi lại những sự kiện chính, tưởng tượng về nhân vật Thánh Gióng. Suy nghĩ về những chi tiết, hình ảnh, từ ngữ biểu cảm có thể thêm vào. + Tìm ý và lập dàn ý: Tìm ý bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo 3 phần lớn của bài văn. + Viết bài dựa vào dàn ý. + Kiểm tra, chỉnh sửa Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	Tìm ý bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo 3 phần lớn của bài văn. - Viết bài dựa vào dàn ý. - Kiểm tra, chỉnh sửa
---	---

- Dựa vào kết quả làm việc cá nhân hoặc nhóm, một số HS trình bày kết quả phân tích bài viết tham khảo trước lớp. GV dẫn dắt và tổng kết một số ý cơ bản để HS nắm được, ghi nhớ và vận dụng vào bài viết của mình.	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài, bám sát dàn ý đã lập.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung. - Hấp dẫn, sinh động	- Báo cáo thực hiện công việc.	

- Hình thức viết bài kiểm tra tại lớp	- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	
---------------------------------------	---	--	--

NÓI VÀ NGHE

KỂ LẠI MỘT TRUYỆN TRUYỀN THUYẾT HOẶC CỔ TÍCH

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS biết cách kể lại một truyện cổ tích hoặc truyền thuyết, chủ yếu tập trung vào nhân vật, nhập vai một cách thông minh, sáng tạo, biết kể lại câu chuyện vừa sát truyện gốc vừa có sáng tạo.
- Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói thể hiện được khả năng trình diễn một bài tự thuật.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh, video về lễ hội Gióng.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS xem lại bài viết HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện	

nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá <i>GV dẫn dắt vài bài:</i> Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành nói về truyện cổ tích hoặc truyền thuyết đã học.	
--	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

- a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu rõ yêu cầu: HS cần nắm được các yêu cầu kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: yêu cầu HS đọc lại, nhớ lại truyện cổ tích định kể, những nội dung quan trọng của truyện cổ tích, truyền thuyết mà khi kể lại không thể bỏ qua. - GV hướng dẫn HS luyện nói theo	1. Yêu cầu - Bám sát các sự kiện chính của truyện nhưng cũng có thể sáng tạo thêm chi tiết, hình ảnh, cách kết thúc truyện. - Phân biệt kể miệng với kể bằng viết, chú ý cách kể, giọng kể, kết hợp với ngôn ngữ hình thể (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt) phù hợp với nội dung câu chuyện. 2. Các bước tiến hành

nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói. - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. + Các nhóm luyện nói Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	a. Chuẩn bị - Đọc lại truyện - Sắp xếp tranh ảnh, video, pô-xtơ hỗ trợ b. Tìm ý và lập dàn ý - Xem lại dàn ý đã chuẩn bị, bổ sung và chỉnh sửa. - Chú ý kiểm tra các sự kiện chính, các yếu tố sáng tạo trong nội dung và cách kể lại câu chuyện.
---	---

Hoạt động 2: Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Biết được các kỹ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp,	3. Trình bày bài viết - Dựa vào dàn ý và thực hiện việc kể lại truyện.

các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu. GV lưu ý HS tận dụng được lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời nói như sử dụng ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo nên sự hấp dẫn, sinh động cho bài nói. - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	- Chú ý đảm bảo nội dung và cách kể để truyện hấp dẫn, sinh động
---	---

Hoạt động 2: Trao đổi về bài nói

a. Mục tiêu: Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá. - GV đặt thêm câu hỏi: + Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn? + Với người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện	4. Kiểm tra và chỉnh sửa

nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS vận dụng, kể lại một truyện truyền thuyết khác mà em đã nghe đã đọc.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập	

	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Trao đổi, thảo luận	
--	--	-----------------------	--

Bài 2. THƠ

(Thơ lục bát)

.....

Môn: Ngữ văn 6 - Lớp:

Số tiết: tiết

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

À OI TAY MẸ

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS hiểu được tình cảm người mẹ dành cho đứa con, đó cũng là hình tượng người phụ nữ Việt Nam điển hình: vất vả, tần tảo, chắt chiu, luôn yêu thương và hi sinh cho con.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (vần, nhịp, dòng và khổ thơ), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa...) của bài thơ lục bát.
- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Ái tay mẹ*.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Ái tay mẹ*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa bài thơ.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của bài thơ với các bài cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh hiểu và trân trọng tình cảm của cha mẹ dành cho con cái.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh, clip về tình cảm cha mẹ dành cho con cái.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu các nhóm thảo luận và thực hiện nhiệm vụ: + <i>Ngày bé, em có từng được nghe bà hoặc mẹ hát ru không? Em có cảm nhận như thế nào về những lời hát ru của bà, của mẹ.</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	- HS nêu suy nghĩ và cảm nhận của bản thân.

vụ + GV dẫn dắt: Mẹ là người cho ta cuộc sống, chăm lo cho ta từng bữa ăn giấc ngủ. Tuổi thơ mỗi chúng ta đều được đắm chìm trong những lời ru tiếng hát của mẹ. Tiếng ru à ơi cho chúng ta say trong giấc ngủ bình yên, để dịu đi những ngày nắng hè oi ả. Có ai lớn lên mà không đi qua những câu hát giản đơn đầy ý nghĩa đó. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu bài thơ À ơi tay mẹ để hiểu được những tình cảm của mẹ dành cho những đứa con.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: <i>xác định thể loại bài thơ? chỉ ra những yếu tố đặc trưng của thể thơ qua bài thơ (vần, nhịp, dòng, khổ thơ)</i> - GV hướng dẫn cách đọc: GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn	I. Tìm hiểu chung 1. Thể loại: thơ lục bát.

đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. Giọng thơ nhẹ nhàng, truyền cảm, thể hiện được tình cảm của người con.

- GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: *mưa sa*

- HS lắng nghe.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

Dự kiến sản phẩm: Thể thơ lục bát.

Các yếu tố đặc trưng:

- Dòng thơ: gồm các câu thơ 6 tiếng và 8 tiếng xen kẽ.

- Bài thơ được gieo vần đặc trưng cho thể lục bát: tiếng thứ 6 của dòng lục gieo vần xuống tiếng sáu của dòng bát (sa-qua, dăng – vàng, tròn - còn); tiếng thứ tám của dòng bát gieo xuống tiếng thứ sáu của dòng lục tiếp theo (ngon-tròn, mòn – còn)

- Nhịp thơ: ngắt nhịp chẵn 2/2/2 hoặc 4/4

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả

lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: Bài thơ được viết theo thể lục bát, mang đậm âm hưởng của ca dao dân ca Việt Nam. Điều đó giúp cho tác giả bộc lộ được những tình cảm gia đình giản dị mà sâu lắng, đầy ý nghĩa.	
--	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

- a. Mục tiêu:** Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.
- b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: <i>Bài thơ gồm mấy khổ thơ? Có thể chia văn bản thành mấy phần và nội dung từng phần?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	2. Bố cục: 2 phần - P1: từ đầu... <i>vẫn còn hát ru</i> : Hình ảnh đôi bàn tay mẹ - P2: Tiếp... <i>một câu ru mình</i> : Lời ru của người mẹ hiền

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: + Nhan đề và tranh minh hoạ gợi cho em cảm nhận gì? + Tìm những chi tiết, hình ảnh thể hiện nỗi vất vả mà mẹ phải trải qua + Qua đó, em có cảm nhận gì về sức mạnh của đôi bàn tay mẹ? + Dòng - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: + Nhan đề và tranh minh hoạ gợi ra hình ảnh	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Hình ảnh đôi bàn tay mẹ <i>* Đôi bàn tay trước giông tố cuộc đời</i> - “ mưa sa”, “bão qua mùa màng” gợi lên những gian nan, vất vả mẹ phải trải qua. - Các động từ “chấn”, “chặn” thể hiện sự mạnh mẽ, sức mạnh phi thường của mẹ để bảo vệ con trước mọi sóng gió, đem lại cho con hạnh phúc và bình yên. □ Là sức mạnh, bản năng của người làm mẹ.
---	--

người mẹ âu yếm, ru con ngủ với những câu hát ngọt ngào.

+ Bàn tay mẹ: chắn mưa sa, chắn bão qua mùa màng

□ mẹ mạnh mẽ, kiên cường trước mọi gian nan, khó khăn để bảo vệ cho con

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Gv bình: Từ hình hài bé bỏng đến khi con khôn lớn trưởng thành, đó cũng là quãng thời gian bao gian nan, vất vả ập đến. Thế nhưng, đôi bàn tay gầy guộc, gân guốc của mẹ vẫn giang rộng để chắn mưa, chặn bão, để xua đi những giông tố cuộc đời, đem lại cho con hạnh phúc và bình yên. Đôi bàn tay của mẹ thực sự nhiệm màu như cô tiên trong những câu chuyện cổ tích ngày xưa.

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

Gv đặt câu hỏi, HS thảo luận nhóm:

** Đôi bàn tay dịu dàng, nuôi nấng con nên người*

- Cách gọi đùa con : cái trắng vàng, cái trắng tròn, cái trắng còn nằm nôi, cái Mặt trời bé con.

+ Em nhỏ trong bài thơ đã được gọi bằng những từ ngữ nào? Cách gọi đó thể hiện điều đó thể hiện tình cảm mẹ dành cho con? + Ở nhà, cha mẹ có gọi em bằng một tên riêng nào không? Tên gọi ấy có xuất phát từ ý nghĩa nào không? + Bài thơ lặp lại cụm từ “à ơi”, theo em điều này có tác dụng gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: + Cách gọi đứa con : cái trắng vàng, cái trắng tròn, cái trắng còn nằm nôi, cái Mặt trời bé con. + Cụm từ à ơi lặp lại làm cho câu thơ giống lời hát ru Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	□ thể hiện tình cảm âu yếm, dịu dàng, yêu thương con của người mẹ.
--	---

GV chuẩn kiến thức: Trái với vẻ cứng rắn, mạnh mẽ trước những bão giông cuộc đời để bảo vệ đứa con bé bỏng là đôi bàn tay dịu dàng, cung nựng, âu yếm đứa con. Mẹ là vậy, như dòng sữa ngọt ngào tha thiết, luôn dịu dàng yêu mến con thơ. Lời thơ bắt đầu bằng cụm từ <i>à ơi</i> giống như lời ru con của mẹ, đưa con nhẹ nhàng vào giấc ngủ bình yên. NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi : + <i>Hãy tìm những dòng thơ nói lên vất vả, hi sinh của mẹ cho con?</i> + <i>Trong những khổ thơ vừa tìm hiểu, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào để làm nổi bật ý thơ?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Bàn tay “thức một đời”. “mai sau bề cạn non mòn”, “chắt chiu từ những dải dầu” - Nghệ thuật: điệp từ, ẩn dụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của	* Bàn tay mẹ nhiệm màu, hi sinh vì con - Bàn tay “thức một đời”. “mai sau bề cạn non mòn”, “chắt chiu từ những dải dầu” □ hình ảnh đã thể hiện đức hi sinh của mẹ, là những vất vả, chắt chiu, chịu thương chịu khó, cả một đời vất vả nuôi con khôn lớn. - Nghệ thuật : + Điệp từ, điệp cấu trúc : “bàn tay mẹ”, “à ơi” + Ẩn dụ: Bàn tay mẹ - người mẹ Cái trắng, mặt trời – người con □ Nghệ thuật ẩn dụ làm tăng sức gợi cảm cho sự diễn đạt, biện pháp điệp từ nhấn mạnh được những hi sinh, vất vả của đôi bàn tay mẹ. Qua đó, thể hiện tình cảm yêu thương vô bờ bến của mẹ dành cho đứa con.
--	--

bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức: Tác giả rất tinh tế khi lựa chọn hình ảnh “bàn tay mẹ” để khắc họa hình ảnh người mẹ, người phụ nữ kiên cường, mạnh mẽ nhưng cũng vô cùng ấm áp, dịu dàng. Người mẹ luôn ẩn chứa sức mạnh phi thường để bảo vệ con, nuôi con trước những giông bão cuộc đời. Vậy trong những lời ru của mình, mẹ đã truyền tải những thông điệp gì, những ước vọng nào được gửi gắm cho những đứa con?

NV5

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc lại khổ thơ 4 đến khổ 6 của bài thơ và trả lời câu hỏi:

+ Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong các câu thơ?

+ Lời ru của mẹ dành cho những ai? Mẹ mong điều gì qua những lời ru ấy?

+ Mẹ có dành suy nghĩ cho mình hay không?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

2. Lời ru của người mẹ hiền

- Nghĩ cho đứa con yếu ớt, nhớ nhung mẹ:

+ "*mềm ngọn gió thu*", "*tan đám sương mù lá cây*": xua tan đi cái rét mướt, lạnh lẽo của thời tiết. → Sự ấm áp đến từ lời ru, từ trái tim người mẹ.

+ "*cái khuyết tròn đầy*", "*cái thương cái nhớ*": thương cho đứa con còn nhỏ, chưa phát triển đầy đủ, thương con khi phải xa mẹ.

+ Nghĩ cho mẹ, cho bà: "*sóng lặn bãi bồi*", "*mưa không dột chỗ bà ngồi khâu*".

Dự kiến sản phẩm: - Nghệ thuật điệp từ, điệp cấu trúc “ Ru cho” - Lời ru của mẹ dành cho đứa con: mềm ngọt gió thu, tan đám sương mù lá cây, cái khuyết tròn đầy, sóng lặng bãi bồi. Cho ngoại: không đột chỗ ngoại ngồi vá khâu Cho đời: cho đời nín đau - Mẹ vì mọi người mà quên mất bản thân mình: <i>"À ơi...Mẹ chẳng một câu ru mình"</i>. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Vẫn là mẹ với đôi bàn tay tảo tần, bế con trên tay với lời ru cũng là những ước mong mẹ gửi gắm. Mẹ mong cho mưa thuận gió hoà để con khoẻ mạnh; mong cho con khôn lớn trưởng thành; thương cho những ngày con phải xa hơi ấm từ mẹ. Và rồi, mẹ mong cho ngoại – người đã sinh ra và cả một đời tảo tần vì mẹ được khoẻ mạnh, bình an. Mong cho cuộc đời là những tháng ngày an yên, hạnh phúc. Trong bao gian lao, vất vả	+ Nghĩ cho cả mọi người, cho cuộc đời: <i>"cho đời nín đau"</i>. ☐ Tình yêu thương của mẹ rộng lớn, sâu sắc, mẹ dành mọi niềm thương nỗi nhớ cho đứa con của mình. - Mẹ vì mọi người mà quên mất bản thân, chẳng một mong ước cho mình ☐ Đức hi sinh cao cả, tình cảm thiêng liêng của người mẹ
--	---

hàng ngày, mẹ vẫn suy nghĩ cho những người thân yêu bên cạnh mình nhưng mẹ lại quen đi chính mình “Mẹ chẳng một câu ru mình”. Bài thơ đã khắc họa đức hi sinh cao cả, lớn lao của những người mang trong mình thiên chức làm mẹ. NV6 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: Bài thơ có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: * <i>Nội dung</i>: Bài thơ bày tỏ tình cảm của mẹ với đứa con nhỏ bé của mình. * <i>Ý nghĩa</i>: Qua hình ảnh đôi bàn tay và những lời ru, bài thơ đã khắc họa thành công một người mẹ Việt Nam điển hình: vất vả, vất vả, yêu thương, hi sinh...đến quên mình. b. Nghệ thuật - Thể thơ lục bát nhịp nhàng như lời hát ru con. - Phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trúc.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Bài thơ À ơi tay mẹ được viết theo thể thơ nào?

- A. Tự do.
- B. Lục bát.
- C, 5 chữ.
- D. Song thất lục bát.

Câu 2: Nghệ thuật nào đã được sử dụng trong đoạn thơ sau?

Ru cho sóng lặng bãi bồi
Mưa không chỗ dột ngoại ngòi vá khâu
Ru cho đời nín cái đau
À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.

- A. So sánh.
- B. Nói quá.
- C. Hoán dụ.
- D. Điệp từ.

Câu 3: Qua hai câu dưới đây của bài thơ Về thăm mẹ, tác giả đã nhấn mạnh phẩm chất nào của người mẹ?

*Bất ngờ rụng ở trên cành
Trái na cuối vụ mẹ dành phần con.*

- A. Sự mạnh mẽ, kiên quyết.
- b. Lòng yêu thương con.
- C. Sự hi sinh quên mình.
- C. Lòng yêu thương xóm làng.

Câu 4: Bài thơ Về thăm mẹ có thể chia thành mấy phần?

- A. 3
- B. 4
- C. 2
- D. 5

Câu 5. Hai từ "rưng rưng", "nghẹn ngào" là loại từ nào?

- A. Từ đơn.
- B. Từ ghép.
- C. Từ láy.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

1. Viết đoạn văn ngắn 5-7 câu nêu cảm nhận của em về tình cảm người mẹ dành cho con trong bài thơ.

2. Tìm hiểu để hiểu thêm về tác giả Bình Nguyên và hoàn cảnh sáng tác bài thơ
GV hướng dẫn HS viết một cách chân thực, xúc động, phù hợp với cảm xúc người viết

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV cung cấp thêm về tác giả Bình Nguyên và bài thơ

- Tên thật là Nguyễn Đăng Hào.

- Quê quán: xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Chức danh: Là Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình.

- Giải thưởng: Nhận hai giải Thơ lục bát (Giải A - 2003; Giải Ba - 2010) trên báo Văn Nghệ.

2. Tác phẩm

- **Hoàn cảnh sáng tác:** 2003, bài thơ được tác giả gửi dự thi *Thơ lục bát* trên báo Văn Nghệ.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN BẢN VỀ THĂM MẸ

Đinh Nam Khương

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nắm được nội dung của bài thơ, là những tình cảm của người con xa nhà trong một lần về thăm mẹ, hình ảnh mẹ hiện hữu trong từng sự vật thân thuộc xung quanh.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (vần, nhịp, dòng và khổ thơ), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa...) của bài thơ lục bát.
- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Về thăm mẹ*
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Về thăm mẹ*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung, nghệ thuật văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của bài thơ với các VB cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh hình thành những phẩm chất tốt đẹp: yêu thương, biết ơn, trân trọng và hiếu thảo với cha mẹ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh, video về gia đình, quê hương
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS suy nghĩ: Em đã bao giờ sống xa nhà? Khi đi xa, người em nhớ nhất trong nhà là ai? HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Chúng ta ai rồi cũng sẽ lớn, sẽ rời vòng tay của cha mẹ yêu thương để theo đuổi những đam mê, khát vọng của mình. Nhưng hình ảnh về quê hương, về mái nhà nơi có cha mẹ dịu hiền sẽ mãi níu giữ đôi chân và trái tim, nhắc nhở chúng ta quay về. Bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu và phân tích một bài thơ thể hiện tình cảm sâu sắc của người con xa quê dành cho mẹ trong ngày về thăm.	- HS chia sẻ suy nghĩ

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: <i>xác định thể loại bài thơ? chỉ ra những yếu tố đặc trưng của thể thơ qua bài thơ (vần, nhịp, dòng, khổ thơ)</i> - GV hướng dẫn cách đọc: GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. Giọng thơ nhẹ nhàng, truyền cảm, thể hiện được tình cảm của người con. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: <i>chum tương, nón mê, áo tơi, người rơm</i>. GV giải thích thêm đây đều là những vật gần gũi, giản dị với đời sống thôn quê. - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	I. Tìm hiểu chung 1. Thể loại: thơ lục bát.

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

Dự kiến sản phẩm: Thẻ thơ lục bát.

Các yếu tố đặc trưng:

- Dòng thơ: gồm các câu thơ 6 tiếng và 8 tiếng xen kẽ.

- Bài thơ được gieo vần đặc trưng cho thể lục bát: tiếng thứ 6 của dòng lục gieo vần xuống tiếng sáu của dòng bát (đông-không, ra-oà, rồi-ngồi, bừa); tiếng thứ tám của dòng bát gieo xuống tiếng thứ sáu của dòng lục tiếp theo (ngon-tròn, mòn – còn)

- Nhịp thơ: ngắt nhịp chẵn 2/2/2 hoặc 4/4

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV bổ sung: Bài thơ được viết theo thể lục bát, mang đậm âm hưởng của ca dao dân ca Việt Nam. Điều đó giúp cho tác giả bộc lộ được những tình

cảm gia đình giản dị mà sâu lắng, đầy ý nghĩa.	
--	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

- a. Mục tiêu:** Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.
- b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + Bài thơ là lời của ai? Thể hiện cảm xúc về ai? + Bài thơ gồm mấy khổ thơ? Có thể chia văn bản thành mấy phần và nội dung từng phần? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Bài thơ là lời của người con thể hiện cảm xúc với mẹ trong một lần xa quê về thăm mẹ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận	2. Bộ cục: 2 phần - P1: Tình cảm của người con với mẹ - P2: Hình ảnh người mẹ thương con

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: Bài thơ gồm 4 khổ thơ, có thể phân tích theo hai hình ảnh đặc sắc trong bài, đó là tình cảm của người con đối với mẹ và hình ảnh người mẹ trong kí ức của con. NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn, HS thảo luận theo nhóm + <i>Người con về thăm mẹ trong hoàn cảnh nào?</i> + <i>Hình ảnh đầu tiên mà người con tìm đến là gì? nêu ý nghĩa của hình ảnh đó?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: + Hoàn cảnh: con về thăm mẹ một chiều mùa đông + Hình ảnh đầu tiên: bếp lửa Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Hình ảnh người mẹ trong kí ức của con - Hình ảnh mẹ gắn liền với bếp lửa □ bếp lửa tượng trưng cho hơi ấm, cho tình yêu thương của ngôi nhà, thể hiện sự tận tảo, đảm đang của người mẹ. đó cũng là những đặc điểm điển hình của người mẹ, người phụ nữ Việt Nam.
---	--

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng Gv bình: Hình ảnh bếp lửa gắn liền với mẹ, mẹ mang lại hơi ấm cho căn bếp, mẹ giữ ngọn lửa yêu thương luôn nồng ấm cho gia đình. Người mẹ hiện lên với sự đảm đang, chu toàn, vun vén cho ngôi nhà. Hình ảnh bếp lửa gắn liền với những bữa cơm đạm bạc luôn đau đáu trong lòng những đứa con xa quê Mẹ về để nấu cơm chiều Bữa cơm đạm bạc thương yêu ấm lòng NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ Gv đặt câu hỏi, HS thảo luận nhóm: + <i>Người con đã nhìn thấy những hình ảnh nào? Tìm và liệt kê những hình ảnh, cảnh vật quanh ngôi nhà của người mẹ.</i> + <i>Chỉ ra các biện pháp tu từ mà tác giả đã sử dụng?</i> + <i>Những hình ảnh ấy gợi lên trong chúng ta đặc điểm gì về người mẹ?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	- Những sự vật gần gũi, đời thường gắn bó với mẹ : + chum tương đã đầy. + áo phơi lùn cùn. + nón mê ngôi dầm mưa. + đàn gà, cái nôm hồng vành.
--	---

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: + Những hình ảnh xuất hiện: bếp lửa, chum tương, áo toi, nón mê, đàn gà cái nơm hồng vành □ đó là những sự vật gần gũi, giản dị, mộc mạc, thân thuộc với mẹ, với ngôi nhà. □ Mẹ vất vả, tiết kiệm để nuôi con khôn lớn. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Những vật dụng đời thường đã gọi lên trong kí ức của đứa con xa quê. Mẹ mộc mạc, quê mùa, giản dị, tiết kiệm, tất cả để dành cho con, nuôi con khôn lớn. NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi : + Qua hai câu sau, tác giả đã nhấn mạnh phẩm chất nào của người mẹ?	- Tất cả các sự vật đều gần gũi, có vẻ cũ kĩ, xấu xí, không trợn vẹn. → Sự vất vả, tích cóp, tiết kiệm của người mẹ để nuôi con khôn lớn. → Tình yêu của mẹ đối với con trợn vẹn. - Nghệ thuật: + Ấn dụ "<i>nón mê</i>", "<i>áo toi</i>" → Hình ảnh người mẹ lam lũ, tảo tần + Liệt kê: <i>chum tương, nón mê, áo toi,...</i>
---	--

<i>Bắt ngờ rụng ở trên cành</i> <i>Trái na cuối vụ mẹ dành phần con.</i> + Em nhận xét gì về hình ảnh người mẹ qua bài thơ? + Em hãy tìm những câu thơ, ca dao nói về đức hi sinh của mẹ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Mẹ luôn hi sinh, nhường nhịn cho con mà quên đi bản thân mình. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Mẹ là vậy, chịu đựng bao gian nan vất vả, luôn nhận về mình những thiệt thòi, khó khăn để dành cho con những điều tốt đẹp nhất. Đó là hình ảnh người phụ nữ VN truyền thống mà ca dao đã nhiều lần nhắc tới: <i>Mẹ nằm chỗ ướt canh sương</i>	"Trái na cuối vụ mẹ dành phần con." → Chỉ là một trái na nhưng thể hiện rõ nét nhất sự yêu thương của mẹ: trái na đã đến cuối vụ mà mẹ không nỡ hái, vẫn chờ con về để cho con. ⇒ Thể hiện tình yêu thương của mẹ: Người mẹ tần tảo, hi sinh để lo cho con ăn học trưởng thành mà quên bản thân mình.
--	---

Chỗ khô lốt tiếng ru nhường con thơ

Hay:

Miếng nạc thì để phần chồng

Miếng xương mẹ gấp, miếng lòng phần con.

NV5

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS theo dõi bài thơ và trả lời câu hỏi:

+ *Tâm trạng, cảm xúc người con như thế nào trong lần về thăm mẹ? Liệt kê các từ ngữ chỉ tâm trạng, cảm xúc đó? Những từ ngữ đó thuộc loại từ gì*

+ *Tại sao người con lại có tâm trạng như vậy?*

+ *Em hiểu thế nào về hình ảnh "Trời đang yên vậy bỗng òa mưa rơi" ?*

+ *Dấu ba chấm cuối dòng thơ "Nghe ngào thương mẹ nhiều hơn..." thể hiện điều gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

- Liệt kê các từ ngữ: nghe ngào, rung rung □
từ láy gợi hình

2. Tình cảm người con đối với mẹ

- Dáng hình: thơ thẩn vào ra.

- Cảm xúc: nghe ngào, rung rung

- Thấy được sự tảo tần, vất vả của mẹ khi mọi thứ trong nhà đều do mẹ vun vén, khi nhìn thấy chiếc nón mê tàn, cái áo toí lủn củn...

□ Thể hiện sự xúc động của người con cảm nhận được tình

Dấu ba chấm cuối dòng: thể hiện sự ghen ngào không nói thành lời của người con.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV bình: Trở về ngôi nhà khi mẹ đi vắng, cảnh vật tĩnh lặng khiến cho đứa con càng cảm nhận rõ hơn khung cảnh thiên nhiên, những kỉ niệm, kí ức ùa về trong tâm trí. Người con ngắm nhìn những cảnh vật xung quanh, con ngỡ ngợ một cảm giác băng khuâng, tha thẩn, mang nét buồn, nét thương. Hình ảnh "*Trời đang yên vậy bỗng òa mưa rơi*" gợi nhiều hơn tả, đó có thể khung cảnh thực nhưng cũng có thể là cảm xúc của người con. Trời đổ mưa hay giọt nước con oà khóc, đi xa rồi mới thấy nhớ, thấy quý trọng những ngày còn bên mẹ.

Dấu ba chấm cuối dòng thơ như kéo dài những niềm thương nỗi nhớ của người con, có rất nhiều ghen ngào con chẳng nói thành lời, chất chứa trong lòng chẳng thể nói ra. Dấu ba

yêu thương của mẹ và thấy thương mẹ nhiều hơn.

- Nghệ thuật: từ láy “ghen ngào”, “rung rung” □ gợi tả tâm trạng người.

chấm cũng ạo khoảng lặng, dư âm trong lòng độc giả. NV6 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Bài thơ có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: * <i>Nội dung</i>: Bài thơ bày tỏ tình cảm của người con xa nhà trong một lần về thăm mẹ. * <i>Ý nghĩa</i>: Mỗi cảnh, mỗi vật đều biểu hiện sự vất vả, sự tàn tảo, hi sinh và đặc biệt là tình thương yêu của mẹ dành cho con. b. Nghệ thuật - Thể thơ lục bát nhịp nhàng biểu cảm. - Phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, liệt kê
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Qua hai câu dưới đây của bài thơ Về thăm mẹ, tác giả đã nhấn mạnh phẩm chất nào của người mẹ?

Bất ngờ rụng ở trên cành

Trái na cuối vụ mẹ dành phần con.

A. Lòng yêu thương con.

B. Sự hi sinh quên mình.

C. Lòng yêu thương xóm làng.

D. Sự mạnh mẽ, kiên quyết.

Câu 2. Bài thơ Về thăm mẹ có thể chia thành mấy phần?

A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 2.

Câu 3: Hai từ "rụng rụng", "nghe ngào" là loại từ nào?

A. Từ đơn.

B. Từ ghép.

C. Từ láy.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

1. Viết đoạn văn ngắn 5-7 câu nêu cảm nhận về hình ảnh người mẹ qua bài thơ?

2. Hình dung và tái hiện lại cảnh người con về thăm ngôi nhà của mẹ trong bài thơ bằng cách vẽ tranh minh hoạ hoặc miêu tả bằng lời văn.

GV hướng dẫn HS viết một cách chân thực, xúc động, phù hợp với cảm xúc người viết

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV cung cấp thêm về tác giả Bình Nguyên và bài thơ

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nhận biết được từ láy và phân tích tác dụng của từ láy.
- Nhận biết được biện pháp tu từ ẩn dụ và phân tích tác dụng.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ, biện pháp tu từ trong VB và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 4 tổ tham gia trò chơi: Ai nhanh hơn?	- HS tìm ra một số từ láy: mũm mĩm, tròn trịa,

Em hãy tìm những từ láy miêu tả hình dáng, tính cách của con người. Tổ nào tìm được nhiều nhất sẽ chiến thắng. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv dẫn dắt: Những từ láy sẽ góp phần gợi hình, gợi cảm hơn cho sự diễn đạt. Bài học hôm nay sẽ cùng tìm hiểu và phân tích về tác dụng của từ láy, phép tu từ ẩn dụ trong khi tạo lập văn bản.	gầy gò, nhanh nhẹn, dịu dàng,
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về từ láy, biện pháp tu từ ẩn dụ

a. Mục tiêu: Hiểu được cách xác định từ láy, biện pháp tu từ ẩn dụ và tác dụng của chúng trong câu.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 : Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Dựa vào kiến thức đã học và những từ láy	I.Lí thuyết 1. Từ láy - Từ láy là từ phức do hai hay nhiều tiếng có âm đầu

<i>vừa tìm trên, hãy nêu lại định nghĩa về từ láy.</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ + Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. - GV củng cố kiến thức: Trừ trường hợp lặp lại nguyên vẹn một tiếng có nghĩa như <i>xanh xanh, ngời ngời,...</i> trong các tiếng tạo thành từ láy, chỉ một tiếng có nghĩa hoặc tất cả các tiếng đều không nghĩa. Đây là điểm phân biệt từ láy với những từ ghép ngẫu nhiên có sự trùng I ngữ âm giữa các tiếng tạo thành như: <i>hoa hồng, học hành, lí lẽ, gom góp,...</i> NV2 : Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	hoặc vần (hoặc cả âm đầu và vần) giống nhau tạo thành, ví dụ: <i>chăm chỉ, thật thà, lim dim, lủi thủi, từ từ,...</i> 2. Ẩn dụ - Ẩn dụ là biện pháp tu từ , sự vật, hiện tượng này được gọi tên bằng sự vật, hiện
---	---

- GV yêu cầu HS: Dựa vào văn bản *Về thăm mẹ* đã học, hãy chỉ ra phép tu từ ẩn dụ có trong câu:

Áo tôi qua buổi cày bừa

Giờ còn lủn củn khoác hờ người rơm

Từ đó, hãy nhắc lại khái niệm về biện pháp tu từ ẩn dụ?

- HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện nhiệm vụ

+ Dự kiến sản phẩm:

- Phép tu từ ẩn dụ: áo tôi – hình ảnh của người mẹ tần tảo, lam lũ, vất vả

□ Ẩn dụ là biện pháp tu từ, sự vật, hiện tượng này được gọi tên bằng sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.

tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- GV củng cố kiến thức: Biện pháp tu từ ẩn dụ nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt + Ẩn dụ hình thức: người nói hoặc viết giấu đi một phần ý nghĩa. + Ẩn dụ cách thức: thể hiện một vấn đề bằng nhiều cách, việc ẩn dụ này giúp người diễn đạt đưa hàm ý vào câu nói. + Ẩn dụ phẩm chất: có thể thay thế phẩm chất của sự vật hoặc hiện tượng này bằng phẩm chất của sự vật, hiện tượng khác cả hai phải có nét tương đồng. + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: phép tu từ miêu tả tính chất, đặc điểm của sự vật được nhận biết bằng giác quan này nhưng lại được miêu tả bằng từ ngữ sử dụng cho giác quan khác .	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: làm bài tập 1	Bài tập 1/ trang 24 a, từ láy: chắt chiu, dãi dàu

GV hướng dẫn HS cách xác định từ láy và chỉ ra ý nghĩa, tác dụng của nó trong câu. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: a, từ láy: chắt chiu, dãi dầu b, từ láy: nghẹn ngào Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng Gv kết luận: như vậy từ láy có tác dụng mô tả, nhấn mạnh cảm xúc, tâm trạng của con người. NV2: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập 2, xếp các từ ghép thuộc cùng nhóm về chất	☐ tác dụng: tăng sức gợi hình cho hình ảnh thơ, thể hiện sự vất vả, dành dụm, chăm chút của mẹ dành cho con. b, từ láy: nghẹn ngào ☐ tác dụng: thể hiện tình cảm yêu thương dâng trào của người con với mẹ của mình. Bài 2/Trang 41
---	--

liệu, cách chế biến, tính chất, hình dáng của món ăn. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: HS chỉ ra được hình ảnh ẩn dụ: <i>cái trăng vàng/ cái trăng tròn/ cái trăng còn nằm nôi/ cái Mặt Trời bé con</i>, để chỉ người con. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3. Chia lớp thành 6 nhóm. Nhóm 1-3: làm ý a Nhóm 2-5: làm ý	- Ẩn dụ: <i>cái trăng vàng/ cái trăng tròn/ cái trăng còn nằm nôi/ cái Mặt Trời bé con</i> → chỉ người con. - Tác dụng: + Tăng sức gợi cảm cho sự diễn đạt. + Thể hiện tình cảm yêu thương vô bờ của người mẹ với con: với mẹ con là trăng, là Mặt Trời, dù ngày hay đêm, con vẫn mãi là điều quan trọng nhất.
---	--

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	Bài 3/ trang 42 a) <i>cái khuyết tròn đầy</i> tương đồng với đũa con còn nhỏ, chưa phát triển toàn diện. b) + <i>Ăn quả</i> tương đồng với sự hưởng thụ thành quả lao động. + <i>Kẻ trồng cây</i> tương đồng phẩm chất với những người lao động tạo ra thành quả. c) + <i>mực - đen</i> tương đồng với cái tối tăm, cái xấu (tương đồng về phẩm chất); + <i>đen - rạng</i> tương đồng với cái sáng sủa, cái tốt, cái hay, cái tiến bộ (tương đồng về phẩm chất);
---	---

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5-7 câu) về chủ đề tình cảm gia đình, trong đó sử dụng ít nhất một ẩn dụ.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Tổ chức trò chơi	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU CA DAO VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS xác định được chủ đề của các bài ca dao.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản của ca dao: hình thức thơ, phương diện nội dung.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các bài ca dao.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các bài ca dao.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của VB với các VB có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Yêu quý, tự hào về giá trị văn hoá dân gian dân tộc và cảm nhận được tình cảm gia đình thấm đượm qua các

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về tình cảm gia đình
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: <i>Em có biết bài ca dao dân ca nào về tình cảm gia đình</i>	- HS nêu một số bài ca dao quen thuộc.

không? Hãy đọc và trao đổi cùng các bạn trong nhóm.

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe và trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV dẫn dắt: Trong kho tàng văn hoá dân tộc Việt Nam, ca dao dân ca là những lời tâm tình của nhân dân trong lao động, trong cuộc sống gia đình, tình yêu đôi lứa.... Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu những bài ca dao được viết theo thể lục bát.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc: Gv hướng dẫn HS đọc bài ca dao chú ý cần, nhịp thơ và giọng đọc tha thiết, nhẹ nhàng thể hiện tình cảm sâu lắng. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó trong từng bài ca dao. - GV yêu cầu HS: <i>Dựa vào những tìm hiểu ở nhà, em hãy trình bày đặc điểm thể loại?</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	I. Tìm hiểu chung 1. Đọc- chú thích 2. Thể thơ - Cùng chủ đề về tình cảm gia đình. - Bài thơ ngắn - Thể thơ: lục bát. - Nội dung phản ánh: tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước, cuộc sống lao động sản xuất...

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

- a. Mục tiêu:** Hiểu được nội dung và nghệ thuật từng bài ca dao.
- b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi: + Bài ca dao là lời của ai nói với ai? Nói về việc gì? + Công lao trời biển của cha mẹ được diễn tả qua những hình ảnh, chi tiết nào? + Em hiểu gì về hình ảnh “núi ngất trời” và “nước ở ngoài biển Đông”? + Như vậy, để diễn tả công lao trời biển của cha mẹ tác giả dân gian đã sử dụng nghệ thuật gì? + Em có nhận xét gì về cách dùng hình ảnh so sánh ở đây? + So sánh như vậy nhằm khẳng định điều gì về công lao của cha mẹ? + Em hiểu “cù lao 9 chữ” như thế nào? + Cảm nhận của em về ngôn ngữ, giọng điệu ở câu cuối bài ca dao? Ẩn chứa trong đó là lời nhắn nhủ nào tới những người làm con?	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Bài ca dao 1 - Lời mẹ ru con, nói với con về công lao cha mẹ và bổn phận của người làm con. + Công cha - núi ngất trời + Nghĩa mẹ - nước ngoài biển Đông. -> Hình ảnh so sánh cụ thể

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: + Lời mẹ nói với con qua điệu hát ru. + Nói với con về: công lao của cha mẹ và bổn phận của con trước công lao ấy. + Công cha - núi ngất trời + Nghĩa mẹ - nước ngoài biển Đông. -> Hình ảnh so sánh cụ thể, phù hợp: lấy cái to lớn mênh mông, vô tận để so sánh với công lao cha mẹ. + Cù lao chín chữ: Là những công lao to lớn khó nhọc của cha mẹ đối với con cái như sinh đẻ, nuôi nấng, dạy bảo... Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung:	=>khẳng định công lao to lớn của cha mẹ đối với con cái. - "Cù lao 9 chữ ghi lòng con ơi!" -> Giọng điệu tôn kính, nhấn nhủ, tâm tình. => Lời khuyên thấm thía, sâu sắc về bổn phận trách nhiệm của con cái.
--	---

bài ca dùng lối ví quen thuộc của ca dao để biểu hiện công cha, nghĩa mẹ, lấy cái to lớn mênh mông, vĩnh hằng của tự nhiên làm hình ảnh so sánh. Những hình ảnh ấy lại được miêu tả bổ sung bằng những định ngữ chỉ mức độ (núi ngất trời, núi cao, biển rộng...). Chỉ những hình ảnh to lớn, cao rộng không cùng, vĩnh hằng ấy mới diễn tả với công ơn, sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ. Núi ngất trời, biển rộng... không thể nào đo đếm được cũng như công cha, nghĩa mẹ đối với con cái.

Cuối bài ca dao là một lời nhắn nhủ: “Núi cao...cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!”. Công cha, nghĩa mẹ vô cùng to lớn, mãi mãi không cùng. Làm con phải thấm thía sâu sắc công ơn trời biển ấy và sống sao cho tròn đạo hiếu. Lời khuyên ẩn chứa trong bài ca dao ấy nhẹ nhàng, giản dị nhưng cũng thật thấm thía, sâu sắc.

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi bổ sung: *Hãy tìm một số câu ca dao cùng chủ đề nói về tình cảm của cha mẹ*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm: - Nuôi con mẹ héo vóc hình Cạn bầu sữa ngọt mà tình không vui. - Lên non mới biết non cao Nuôi con mới biết công lao mẫu từ. - Ngày nào em bé cón con Bây giờ em đã lớn khôn thế này. Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy Nghĩ sao cho bỏ những ngày ước ao. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng Gv bổ sung: Qua những bài ca dao về tình cảm cha mẹ đã khẳng định truyền thống hiếu thảo của dân tộc Việt Nam. Mỗi lời thơ là một lời nhắc nhở về tình cảm, công lao của cha mẹ đã sinh thành nuôi dưỡng chúng ta nên người. NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi: + Theo em, lời trong bài ca dao là lời của ai nói với ai? Về điều gì?	2. Bài ca dao số 2 - Sử dụng biện pháp so sánh. - Nhấn mạnh mỗi con người đều có cội nguồn, phải biết ơn và trân trọng.
---	--

+ *Tình cảm anh em trong một gia đình được diễn tả qua những chi tiết, hình ảnh nào?*

+ *Bài ca dao nói đến tình cảm nào trong gia đình?*

+ *Bài ca dao sử dụng biện pháp tu từ nào? Tác dụng của phép tu từ?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

+ Lời của người trên nói với con cháu.

+ Tình cảm với cội nguồn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức: Mỗi chúng ta đều có nguồn cội - chính là thế hệ cha ông đi trước, đã xây dựng và phát triển gia đình, dòng tộc ngày một phồn vinh, hạnh phúc, Vì vậy, câu

3. Bài ca dao số 3

- Tiếng hát về tình cảm gắn bó của anh em trong gia đình.

ca dao thể hiện đạo lí của dân tộc “uống nước nhớ nguồn” NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi : + Theo em, lời trong bài ca dao là lời của ai nói với ai? Về điều gì? + Tình cảm anh em trong một gia đình được diễn tả qua những chi tiết, hình ảnh nào? + Em hiểu như thế nào về những từ ngữ: người xa, bác mẹ, cùng thân? + Từ đó em đánh giá như thế nào về tình cảm anh em? + Hình ảnh so sánh “như thể tay chân” diễn tả điều gì? + Tình anh em gắn bó còn có ý nghĩa như thế nào trong lời ca “Anh em.... vậy”? + Bài ca còn nhắc nhở ta điều gì qua câu cuối? + Hãy tìm những câu ca dao khác cùng chủ đề? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Có thể hiểu:	+ Nào phải người xa. + Cùng chung bác mẹ + Một nhà cùng thân ->từ ngữ chỉ sự gắn kết thống nhất. =>Anh em là hai nhưng lại là một: cùng một cha mẹ sinh ra, cùng chung sống, sướng khổ có nhau trong một nhà. - Như thể tay chân
--	--

+ Lời người trên nói với con cháu. + Lời của anh em nói với nhau. Người xa: người xa lạ; bác mẹ: bố mẹ; cùng thân: ruột thịt -> từ ngữ chỉ sự gắn kết thống nhất. -> Anh em không phải người xa lạ. Anh em là hai nhưng lại là một: cùng một cha mẹ sinh ra, cùng chung sống, sướng khổ có nhau trong một nhà. cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng <i>GV bổ sung:</i> bài ca đề cao tình anh em, đề cao truyền thống đạo lý của dân tộc Việt Nam. Tình cảm ấy sẽ đem lại niềm vui, hạnh phúc cho cha mẹ, gia đình. Từ tình cảm ấy chúng ta mới có thể hướng tới những tình cảm rộng lớn, cao đẹp hơn như tình yêu quê hương, đất nước, đồng chí, đồng bào, lòng nhân ái, vị tha. NV5 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi:	-> Hình ảnh so sánh diễn tả tình cảm gắn bó thiêng liêng, không thể tách rời của tình anh em. - Anh em... hai thân vui vậy. -> Nhấn nhủ anh em phải biết đoàn kết, thương yêu, nhường nhịn, giúp đỡ nhau.
--	--

+ Em cảm nhận được vẻ đẹp cao quý nào trong đời sống tinh thần của dân tộc ta qua ba bài ca dao? + Khái quát những nét đặc sắc nghệ thuật trong văn bản (thể thơ, âm điệu, từ ngữ hình ảnh, biện pháp tu từ) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: Tình cảm đối với ông bà, cha mẹ, anh em và tình cảm của ông bà, cha mẹ đối với con cháu luôn là những tình cảm sâu nặng thiêng liêng nhất trong đời sống mỗi con người. b. Nghệ thuật - Thể thơ lục bát - Âm điệu tha thiết - Phép so sánh, đối xứng.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Em thích bài ca dao nào nhất? Vì sao?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Hãy tưởng tượng và vẽ minh họa cho bài ca dao thứ nhất và miêu tả nội dung bức tranh bằng lời.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

VIẾT

TẬP LÀM THƠ LỤC BÁT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Bước đầu biết làm thơ lục bát.
- Nắm được các yêu cầu về thể thơ, nhịp thơ, gieo vần trong thơ lục bát.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - Gv gợi mở vấn đề: Chúng ta đã được tìm hiểu một số văn bản thơ sáng tác theo thể thơ lục bát. Vậy để làm một bài thơ theo thể lục bát, theo em cần chú ý những điều gì? HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá <i>GV dẫn dắt vài bài:</i> Bài học hôm nay sẽ giúp các em có được những kĩ năng để làm thơ lục bát.	- HS nhận thức được những yêu cầu với thể thơ lục bát: số tiếng trong câu, cách gieo vần, nhịp thơ...

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với thể thơ lục bát

- a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với thể thơ lục bát.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc ý a và thực hiện theo yêu cầu - GV đặt tiếp câu hỏi: <i>Từ ví dụ trên, em rút ra đặc điểm gì về vần điệu trong thơ lục bát.</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: Điền từ thích hợp: (1) lần đầu (2) chồi xanh Giải thích: Ở vị trí số (1) điền <i>lần đầu</i> vì từ <i>đầu</i> sẽ tạo vần với từ <i>đâu</i> phía câu trên để phù hợp với cách gieo vần thơ lục bát.	I. Tìm hiểu chung 1. Vần điệu trong thơ lục bát <i>Sáng ra trời rộng đến đâu</i> <i>Trời xanh như mới lần đầu biết xanh</i> <i>Tiếng chim lay động lá cành</i> <i>Tiếng chim đánh thức chồi xanh dậy cùng.</i> ☐ Nhận xét: Tiếng thứ 6 của câu lục vần với tiếng thứ 6 của câu bát. Tiếng thứ 8 của câu bát vần với tiếng thứ 6 của câu lục tiếp theo.

Ở vị trí số (2) điền từ *chối xanh* vì từ *xanh* sẽ tạo vần với từ *cành* phía trên để phù hợp với cách gieo vần thơ lục bát.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS: theo dõi ý b để nắm được cách sắp xếp thanh điệu trong các dòng thơ lục bát.
- HS chép lại các dòng thơ vào vở và điền kí hiệu dấu bằng (B) và dấu trắc (T)
- HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS đọc và nắm được yêu cầu.
- Dự kiến sản phẩm:

2. Thanh điệu trong thơ lục bát

- Việc sắp xếp các tiếng có thanh bằng và thanh trắc phải theo quy tắc.
- + Thanh bằng: tiếng không dấu và dấu huyền
- + Thanh trắc: tiếng có dấu hỏi, ngã, sắc, nặng.

<i>Con về thăm mẹ chiều đông</i> B B B T B B <i>Bếp chưa lên khói, mẹ không có nhà</i> T B B T, T B T B <i>Mình con thơ thân vào ra</i> B B B T B B <i>Trời đang yên vậy bỗng òa mưa rơi.</i> B B B T T B B B (Đinh Nam Khương) Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng NV3 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: kẻ bảng và điền kí hiệu B, T. BV vào mô hình các tiếng ở vị trí 2,4,6,8. - GV đặt tiếp câu hỏi: <i>Em có nhận xét gì về việc sắp xếp thanh điệu trong thơ lục bát</i> - HS thực hiện nhiệm vụ	
--	--

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS đọc và nắm được yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Tiếng	1	2	3	4	5	6	7	8
Dòng lục		B		T		BV		
Dòng bát		B		T		BV		B

- Trong thơ lục bát, các tiếng ở vị trí 2, 4, 6, 8 phải theo luật; các tiếng ở vị trí 1, 3, 5, 7 không bắt buộc phải tuân theo luật bằng trắc.

Hoạt động 2: Thực hành

a. Mục tiêu: Nắm được cách làm một bài thơ lục bát

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm làm ý a. Mỗi nhóm sáng tác thêm dòng bát cho các câu lục đã được tạo lập Ghi vào vở dòng bát cho phù hợp nội dung, vần, nhịp và luật bằng trắc. GV lưu ý: tuân thủ quy định về thanh của các tiếng 2 - 4 - 6 - 8 tương ứng B - T - B - B bên cạnh quy định về vần. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. - Gv hướng dẫn, làm mẫu các câu cho HS tham khảo	a. (1) Con đường rợp bóng cây xanh Gợi ý: Tiếng chim riu rít trên cành cây cao (2) Tre xanh tự những thuở nào Gợi ý: Dựng làng giữ nước chặn bao quân thù. (3) Phượng đang thắp lửa sân trường Hè sang nắng đỏ nhớ thương học trò (4) Bàn tay mẹ dịu dàng sao Đưa nôi con ngủ biết bao giấc nồng.

NV2: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm làm ý a. Mỗi nhóm sáng tác một bài thơ (ngắn dài tùy ý) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. GV nhận xét, chấm điểm và động viên các nhóm.	b. Viết bài thơ lục bát về cha mẹ, ông bà hoặc thầy cô
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS thực hành, tự sáng tác bài thơ lục bát ngắn chủ đề về mái trường hoặc bạn bè.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS đọc, tham khảo bài thơ lục bát trong sách báo để có thêm kinh nghiệm, kỹ năng làm thơ.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Hình thức viết bài kiểm tra tại lớp	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung. - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

NÓI VÀ NGHE

KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM ĐÁNG NHỚ

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS biết cách kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân trong gia đình.
- Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói thể hiện được khả năng trình diễn một bài tự thuật.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS: <i>Trong gia đình, em yêu quý ai nhất? Em có kỉ niệm hoặc ấn tượng gì đặc biệt, sâu sắc với người đó không? Hãy nhắc lại kỉ niệm đó</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá <i>GV dẫn dắt vài bài:</i> Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành cách trình bày nói, kể lại một trải nghiệm đáng nhớ về người thân trong gia đình.	HS chia sẻ cảm nhận của bản thân

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu rõ yêu cầu: HS cần đọc, nắm được các yêu cầu kể lại một trải nghiệm đáng nhớ về người thân trong gia đình. Trả lời theo các câu hỏi hướng dẫn sau: + <i>Khi kể lại một trải nghiệm đáng nhớ về người thân trong gia đình, em sẽ kể lại sự việc như thế nào? sử dụng ngôi kể thứ mấy?</i> + <i>Đối tượng người nghe của em là những ai?</i> + <i>Thời gian trình bày bài nói là bao nhiêu?</i> + <i>Các bước tiến hành bài làm</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.	1. Yêu cầu - Kể lại một sự kiện đáng nhớ của em về người thân trong gia đình (ông, bà, cha, mẹ,...) là kể về một sự việc, một hành động,...của người thân mà em đã chứng kiến và có ấn tượng sâu sắc. Trong bài nói, người kể sử dụng ngôi thứ nhất, thường xưng "tôi". - Các bước tiến hành: - Xác định một sự việc, hành động, tình huống,...của người thân trong gia đình (ông, bà, cha, mẹ,...) mà em đã chứng kiến và để lại ấn tượng sâu sắc. - Xác định đối tượng người nghe và thời gian em sẽ kể để có cách trình bày phù hợp. - Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói. - Chuẩn bị các tư liệu, tranh ảnh liên quan đến trải nghiệm sẽ kể (nếu có). - Nêu lên cảm xúc, suy nghĩ hoặc bài học em rút ra từ trải nghiệm đáng nhớ đó.

+ Các nhóm luyện nói Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài làm theo các bước. Các nhóm thực hành nói và nghe trong tổ, góp ý và sửa chữa để bài làm hoàn chỉnh. - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. + Các nhóm luyện nói Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	- Sử dụng nét mặt, ánh mắt, hành động,...phù hợp với câu chuyện để tác động đến người nghe. 2. Thực hành <i>Hãy kể lại cho các bạn nghe câu chuyện mà em đã trải nghiệm và có ấn tượng sâu sắc về một người thân trong gia đình.</i> a) Chuẩn bị - Đọc và xác định yêu cầu đề bài, lựa chọn trải nghiệm mà em có ấn tượng sâu sắc về một người thân (cha, mẹ, ông, bà,...). Ví dụ: Kể về một lần em bị ốm, mẹ chăm sóc em như thế nào.
--	---

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	- Nhớ lại các chi tiết về trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của em qua trải nghiệm, - Tìm các tư liệu, tranh, ảnh liên quan để minh họa cho trải nghiệm (nếu thấy cần thiết). b) Tìm ý và lập dàn ý - Tìm ý cho bài kể theo gợi dẫn: + Nêu sự việc, hành động, tình huống của người thân để lại ấn tượng sâu sắc trong em. + Phát triển các ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi: Sự việc, tình huống đó diễn ra vào thời gian nào, ở đâu? Sự việc, tình huống đó cụ thể như thế nào? Em có cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ gì khi chứng kiến sự việc đó? Em rút ra bài học gì từ sự việc, tình huống đó?;... - Lập dàn ý cho bài kể (có thể bằng sơ đồ tư duy): + Mở đầu: Chào hỏi, giới thiệu người thân và sự việc, tình huống người thân để lại ấn tượng sâu sắc trong em. + Nội dung chính: Lựa chọn và sắp xếp các ý tìm được theo một trình tự hợp lí. Nêu lí do xuất hiện trải nghiệm: Em bị mưa ướt, người sốt,...
---	---

	Trình bày diễn biến trải nghiệm. Có thể trình bày theo gợi ý sau. + Kết thúc: Phát biểu suy nghĩ của mình về tấm lòng người mẹ đối với những người con. Bày tỏ mong muốn nhận được sự chia sẻ từ người nghe về trải nghiệm.
--	--

Hoạt động 2: Trình bày bài nói

- a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ cho người nói và người nghe - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu. GV lưu ý HS tận dụng được lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời nói như sử	3. Trình bày bài viết * Nhiệm vụ của người nói: - Kể về trải nghiệm theo dàn ý. - Sử dụng những từ ngữ thể hiện được trình tự thời gian hoặc diễn biến của sự việc; những từ phù hợp để tả các chi tiết về sự vật, hành động;... - Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp, kết hợp lời nói và cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ,

dụng ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo nên sự hấp dẫn, sinh động cho bài nói. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	hình ảnh (nếu có sử dụng). Đảm bảo thời gian quy định. - Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có). * Nhiệm vụ của người nghe: - Lắng nghe chăm chú để hiểu thông tin được chia sẻ. - Sử dụng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói. = Nêu câu hỏi để được người nói chia sẻ thêm về trải nghiệm (nếu em có mong muốn).
--	---

Hoạt động 2: Trao đổi về bài nói

a. Mục tiêu: Hiểu được cách đánh giá bài nói/trình bày

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/	4. Kiểm tra và chỉnh sửa

phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá. - GV đặt thêm câu hỏi: + <i>Với người nghe:</i> + Đối chiếu với yêu cầu ở mục c) để rút kinh nghiệm về kỹ năng nghe. + Em thấy bài kể của bạn có thuyết phục không? Vì sao? + <i>Với người nói:</i> + <i>So với yêu cầu mục c), em đã đạt được những gì?</i> + <i>Em muốn thay đổi điều gì trong bài nói đó?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS đọc tham khảo một số bài văn hay về kể về trải nghiệm đáng nhớ về một người thân để có thêm kinh nghiệm.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

Bài 3. KÍ
(HỒI KÍ VÀ DU KÍ)

.....

Môn: Ngữ văn 6 - Lớp:

Số tiết: tiết

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

TRONG LÒNG MẸ

(Trích hồi kí Những ngày thơ ấu)

____Nguyễn Hồng____

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS hiểu được tình cảm người mẹ dành cho đứa con, đó cũng là hình tượng người phụ nữ Việt Nam điển hình: vất vả, tần tảo, chất chiu, luôn yêu thương và hi sinh cho con.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ngôi kể, tính xác thực, cách kể sự việc, hình thức ghi chép), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa...) của văn bản hồi kí.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Trong lòng mẹ* và tập hồi kí *Những ngày thơ ấu*.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Trong lòng mẹ*.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa bài thơ.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của bài thơ với các bài cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

Trân trọng tình mẫu tử và những kỉ niệm thời thơ ấu, yêu thiên nhiên, thích khám phá...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh, clip về tình cảm cha mẹ dành cho con cái.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS quan sát một clip ngắn về tình mẫu tử và đặt câu hỏi gợi mở vấn đề: <i>Em hãy</i>	- HS nêu suy nghĩ và cảm nhận của bản thân.

nêu những suy nghĩ và cảm nhận của mình về tình mẫu tử? Chia sẻ những kỉ niệm, tình cảm và ấn tượng sâu sắc của em về mẹ.

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe và trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV dẫn dắt: Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng, cao quý. Được nằm trong vòng tay của mẹ thật hạnh phúc nhưng có nhiều bạn nhỏ phải sống trong hoàn cảnh bất hạnh, thiếu đi vòng tay yêu thương của mẹ. Bài học hôm nay sẽ cho các em thấy qua nhân vật Hồng trong đoạn trích “*Trong lòng mẹ*” của Nguyên Hồng

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm, thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: <i>Dựa vào tìm hiểu ở nhà, em hãy trình bày những hiểu biết về tác giả và tác phẩm?</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: - Tên: Nguyên Hồng - Năm sinh – năm mất: (1918- 1982) - Quê ở Nam Định. - Là nhà văn của phụ nữ, nhi đồng, của những người cùng khổ. - Văn bản " Trong lòng mẹ" là chương thứ IV của tập hồi kí Những ngày thơ ấu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Tên: Nguyên Hồng - Năm sinh – năm mất: (1918- 1982) - Quê ở Nam Định. - Là nhà văn của phụ nữ, nhi đồng, của những người cùng khổ. - Văn xuôi Nguyên Hồng giàu chất trữ tình, nhiều khi dạt dào những cảm xúc thiết tha, rất mực chân thành. 2. Tác phẩm - “<i>Những ngày thơ ấu</i>” là tập hồi kí đăng báo 1938 in thành sách năm 1940 gồm 9 chương. - Văn bản "<i>Trong lòng Mẹ</i>" là chương thứ IV của tập hồi kí.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV bổ sung:

- Nguyên Hồng sinh ở thành phố Nam Định, nhưng Hải Phòng cửa biển đã khơi dậy và gắn bó với ông, với sự nghiệp văn chương của ông. Tác phẩm của ông thường viết về những con người nghèo khổ dưới đáy xã hội, với một lòng yêu thương đồng cảm vì vậy ông được coi là nhà văn của những con người cùng khổ.

- Trong thế giới nhân vật của ông xuất hiện nhiều người bà, người mẹ, người chị, những cô bé, cậu bé khốn khổ nhưng nhân hậu. Ông viết về họ bằng cả trái tim yêu thương và thấm thiết của mình. Ông được mệnh danh là nhà văn của phụ nữ và trẻ em. Văn xuôi của ông giàu chất trữ tình, nhiều khi dạt dào cảm xúc và hết mực chân thành. Ông thành công hơn cả ở thể loại tiểu thuyết.

Những ngày thơ ấu là tập hồi ký tự truyện gồm 9 chương

Chương 1: Tiếng kèn.

Chương 2: Chúa thương xót chúng tôi.

Chương 3: Truy lạc.

Chương 4: Trong lòng mẹ.

Chương 5: Đêm nôi.

Chương 6: Tron đêm đông.

Chương 7: Đồng xu cái.

Chương 8: Sa ngã.

Chương 9: Bước ngoặt.

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn cách đọc: Giọng đọc chậm, tình cảm, chú ý các từ ngữ, hình ảnh thể hiện cảm xúc thay đổi của nhân vật tôi, nhất là đoạn cuối cuộc trò chuyện với bà cô, đoạn tả chú bé Hồng nằm trong lòng mẹ. Các từ ngữ, hình ảnh, lời nói ngọt ngào, giả dối của bà cô cần thể hiện một cách đơn đả, kéo dài, lộ rõ sự châm biếm, cay nghiệt

- GV yêu cầu HS: *xác định thể loại của VB? chỉ ra những yếu tố đặc trưng của thể loại? Văn bản sử dụng ngôi kể thứ mấy?*

- GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó:

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Đọc, chú thích

- Thể loại: Hồi kí là một thể văn ghi chép, kể lại những biến cố đã xảy ra trong quá khứ mà tác giả đồng thời là người kể người tham gia hoặc chứng kiến.

- Ngôi kể: ngôi thứ nhất

- HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: Hồi kí là thể văn được dùng để ghi lại những chuyện có thật đã xảy ra trong cuộc đời một con người. - Nhân vật xưng “tôi” ngôi thứ nhất chính là tác giả (bé Hồng), kể lại chuyện một cách chân thực, trung thành... Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	
--	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + Tóm tắt nội dung đoạn trích + Có thể chia văn bản thành mấy phần và nội dung từng phần? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Gần đến ngày giỗ đầu bố Hồng, cậu lại rất thương và nhớ mẹ mình thì một hôm, người cô gọi cậu đến và hỏi có muốn gặp mẹ, gặp “em bé” ko. Sau đó, bà ta làm cho Hồng đau lòng bằng cách nói về cuộc sống của mẹ Hồng. Bà ta càng nói Hồng càng im lặng và cậu bắt đầu khóc. Cậu càng thấy thương mẹ hơn, càng căm ghét những hủ tục lạc hậu trước những lời bôi nhọ mẹ mình của bà cô thâm hiểm, tàn nhẫn. Một hôm, trên đường đi học về, Hồng thoáng thấy 1 người ngồi trên xe kéo rất giống mẹ. Hồng liền đuổi theo và gọi to. Vài giây sau,	2. Bố cục: 2 phần - P1: Từ đầu đến... và mày cũng còn phải có họ, có hàng, người ta hỏi đến chứ?...: Cuộc đối thoại giữa bà cô cay độc và chú bé Hồng. Qua đó bộc lộ ý nghĩ, cảm xúc của chú bé Hồng về người mẹ bất hạnh. - P2: Đoạn còn lại: Cuộc gặp lại bất ngờ với mẹ và cảm giác vui sướng cực điểm của chú bé Hồng.

Hồng đuổi kịp xe kéo. Và nhận ra đúng là mẹ mình.

Hồng òa khóc nằm trong lòng mẹ. Cậu cảm nhận được tất cả vẻ đẹp, sự yêu thương và dịu dàng của mẹ. Cậu quên hết mọi lời nói độc ác của bà cô, chỉ còn niềm xúc động và tình yêu thương mẹ vô bờ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:

+ *Mở đầu đoạn trích tác giả đã cho người đọc thấy được cảnh ngộ của nhân vật “tôi” như thế nào? Cảnh ngộ đó tạo nên thân phận của bé Hồng ntn?*

+ *Nhân vật người cô có quan hệ như thế nào với bé Hồng?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Hình ảnh người cô của bé Hồng

*** Cảnh ngộ của bé Hồng:**

- Cha vừa mất, mẹ bỏ nhà đi tha phương cầu thực.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Cha vừa mất, mẹ bỏ nhà đi tha phương cầu thực. - Anh em Hồng phải sống nhờ bà cô ruột □ hoàn cảnh đáng thương Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng Gv phân tích: Với giọng văn giản dị, tự nhiên, người đọc có thể nhận ra ngay cảnh ngộ đáng thương của Hồng: Cha vừa mất, mẹ bỏ nhà đi tha phương cầu thực, anh em Hồng phải sống nhờ bà cô ruột. Qua đó thấy được hoàn cảnh rất đáng thương của cậu bé: cô độc, đau khổ, luôn khát khao tình yêu thương, tình mẹ. Những dòng tự sự ở phần đầu còn cho người đọc biết được thời gian xảy ra câu chuyện,	- Anh em Hồng phải sống nhờ bà cô ruột. -> Cô độc, đau khổ luôn khát khao tình yêu thương. => Rất đáng thương.
---	---

hoàn cảnh sống của người mẹ tội nghiệp =>
khơi nguồn để từ đó bà cô xuất hiện.

Bà cô xuất hiện trong cảnh ngộ đầy thương
tâm, côi cút của cậu bé Hồng:

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS thảo luận cặp
đôi:

+ *Hình ảnh người cô được khắc hoạ qua
những chi tiết nào? (Chú ý chi tiết khắc hoạ
về nét mặt, cử chỉ, giọng nói)*

*? Bà cô muốn gì khi cho rằng mẹ chú đang
phát tài và nhất là cố ý phát âm hai tiếng em
bé ngân dài, thật ngọt?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện
nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

- Bà cô: em ruột của bố

- Thái độ của bà cô bộc lộ qua những câu nói,
thái độ (cười nói, tỏ sự ngậm ngùi thương
xót):

+ Với vẻ mặt cười nói rất kịch: mày có muốn
vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không ?

☐ câu nói thể hiện bà cô không có ý định tốt
đẹp.

*** Hình ảnh bà cô:**

- Xuất hiện trong cảnh ngộ
thương tâm côi cút của bé
Hồng.

+ Vẻ mặt tươi cười rất kịch.

+ Bé Hồng từ chối -> không buông tha tiếp tục lôi đứa cháu vào trò chơi đã dần tính sẵn. + Bà cô tiếp tục tỏ ra thân tình vỗ vai an ủi, muốn giúp đỡ cháu nhưng lại cố ý ngân hai tiếng em bé. □ Cử chỉ thân mật giả dối, lời nói ngọt ngào đầy mỉa mai cay độc. + Lạnh lùng vô cảm trước sự đau đớn của đứa cháu, tươi cười kể về tình cảnh đói rách túng thiếu của mẹ bé Hồng. - Đôi giọng giả nhân giả nghĩa thương xót người anh trai. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Với cảnh ngộ của bé Hồng, lẽ ra cô phải chia sẻ, an ủi, động viên, yêu thương mà trái lại tìm mọi cách gieo rắc vào đầu óc thơ ngây của cháu đáng thương những điều không hay khinh miệt ruồng rẫy người mẹ bất hạnh của nó.	+ Giọng nói ngọt ngào đầy mỉa mai cay độc. + Cử chỉ thân mật giả dối. => Gieo rắc vào đầu đứa cháu những ý nghĩ hoài nghi, khinh miệt, ruồng rẫy người mẹ bất hạnh.
---	---

- Với nụ cười nửa miệng và câu hỏi thăm dò: mày có muốn vào Thanh Hoá với mẹ mày không "Tuồng chừng đã chạnh tới nỗi nhớ tình thương mẹ của chú bé, nhưng vốn nhạy cảm, Hồng đã nhận ra ngay ý nghĩa cay độc trong giọng nói và nét mặt rất kịch cô. Bề ngoài tỏ ra quan tâm đến tình cảm mẹ con của đứa cháu cô út, nhưng bên trong lòng bà chỉ muốn gieo rắc vào đầu cháu ý nghĩ hoài nghi khinh miệt người mẹ đang tha hương cầu thực.

- Vẫn giọng ngọt ngào kèm theo cả cái nhìn bằng đôi mắt long lanh, chăm chặp: Mợ mày phát tài lắm có như dạo trước đâu" Vào mà bắt mẹ mày may vá cho và thăm em bé chứ. Phải chăng người cô muốn kéo đứa cháu đáng thương vào trò chơi độc ác đã dàn tính sẵn, rõ ràng bà như muốn ngầm báo với bé Hồng rằng mẹ chú đã thay lòng đổi dạ, không thương con, không gắn bó với gia đình như trước nữa đã có con với người đàn ông khác. Lòng chia rẽ tình mẫu tử thiêng liêng của Hồng. Rõ ràng dù cho bé Hồng im lặng cúi đầu, khóe mắt cay cay lòng đau thắt lại rồi cả nước nở cười dài trong tiếng khóc thì người cô không hề mảy may xúc động, bà vẫn tươi cười kể chuyện cho bé Hồng nghe về tình cảnh túng quẫn về h/ả

gầy guộc rách rưới của người mẹ chú một cách thích thú rõ rệt

NV4:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi :

+ Trước những lời nói của bà cô, tâm trạng cậu bé Hồng như thế nào?

+ Nhận xét về cách khắc hoạ nhân vật người cô của tác giả? Qua cách miêu tả ấy, em thấy bà cô bé Hồng là con người như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

- Tâm trạng cậu bé Hồng: lòng thất lại, nước mắt chảy ròng ròng.

- Nhận xét về cách khắc hoạ nhân vật người cô: Tác giả chú trọng miêu tả ngoại hình, hành động, lời nói.

- NV bà cô: Đó là người đàn bà độc ác, lạnh lùng vô cảm, thâm hiểm.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm

Đó là người đàn bà vô cảm, lạnh lùng, độc ác thâm hiểm, hiện thân cho thành kiến cổ hủ lạc hậu, phi nhân đạo của xã hội thực dân nửa phong kiến lúc bấy giờ.

vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức: Trước những câu nói ấy, Cậu bé Hồng đã cảm thấy lòng như thắt lại. Cay đắng biết bao khi niềm tin và tình mẫu tử thiêng liêng bị chính người cô gắn bó với mình bằng tình máu mủ ruột thịt cứ xăm soi hành hạ hòng chia rẽ. Vốn khổ cực bất hạnh và nhạy cảm giàu tình yêu mẹ, sự lạnh lùng vô cảm của người cô khiến bé Hồng đau xót tủi hờn như bị sát muối trong lòng. Vài lời vớt vát cuối cùng cô tỏ một chút xót thương người anh trai vừa khuất, thương hại người chị dâu khổ sở và nói tới cái sĩ diện của đứa cháu phần nào làm dịu đi nỗi đau tình mẫu tử trong tâm hồn thơ dại của bé Hồng. Nhưng không xóa nổi nét bản chất trong nét tính cách của bà cô. Tính cách của bà cô được miêu tả theo trình tự các bước, ngày càng phát triển, khắc sâu vào lòng người đọc sự căm phẫn người cô độc ác, tàn nhẫn, hẹp hòi.

Tính cách tàn nhẫn của bà cô là sản phẩm của những định kiến đối với người phụ nữ theo luật "tam tòng". Bà cô tiêu biểu cho hạng đàn bà "Miệng nam mô, bụng một bồ dao găm" là hiện thân của thành kiến cổ hủ phi nhân đạo của xã hội thực dân phong kiến ngày đó. Qua

hình ảnh người cô, tác giả lên án đánh thép sự tàn nhẫn bất công trong xã hội. NV5 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc lại khổ thơ 4 đến khổ 6 của bài thơ và trả lời câu hỏi: + <i>Bé Hồng đã phản ứng ntn trước câu hỏi thứ nhất của người cô? Vì sao Hồng có phản ứng như vậy?</i> + <i>Những lời mỉa mai của người cô tâm trạng bé Hồng ntn? Tìm những chi tiết thể hiện điều đó?</i> + <i>Vì sao những lời nói của bà cô khiến bé Hồng lòng thất lại, nước mắt chảy ròng ròng...?</i> + <i>Tâm trạng đau đớn xót xa, uất ức của bé Hồng dâng đến cực điểm khi nghe người cô cười kể về tình cảnh tội nghiệp của mẹ. Tác giả đã bộc lộ lòng căm tức tột cùng ở giây phút này bằng hình ảnh nào? ? Hãy phân tích cái hay của h/ả so sánh trên?</i> + <i>Snêu suy nghĩ của em về những bất hạnh người phụ nữ phải chịu trong xã hội cũ</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện	2. Tình yêu thương mẹ mãnh liệt của bé Hồng * Khi nói chuyện với bà cô - Cúi đầu không đáp - cười và từ chối dứt khoát. -> là một phản ứng thông minh xuất phát từ sự nhạy cảm và lòng tin yêu mẹ. - Đau đớn tủi nhục trước những lời xúc phạm về mẹ. - Căm ghét những cô tục đã đẩy đoạ làm khổ mẹ. - Lời văn dồn dập với các động từ mạnh (vò, cắn, nhai, nghiền)
---	---

thương và lòng kính mến mẹ bị những ráp tâm tanh bản xúc phạm đến.

- Nỗi căm tức ấy được diễn tả bằng chi tiết đầy ấn tượng "Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ không ra tiếng. Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi.... mới thôi".

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức: -Hồng cay đau xót khi niềm tin và tình mẫu tử thiêng liêng bị chính người cô ruột thịt cứ xăm soi hành hạ hòng chia rẽ. Em khóc vì thương mẹ bị lăng nhục. bị đối xử tàn nhẫn bất công.

Nỗi căm tức ấy được diễn tả bằng chi tiết đầy ấn tượng "Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ không ra tiếng. Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi.... mới thôi". Đây là một hình ảnh so sánh đặc sắc. Với những động từ mạnh: cắn, nhai, nghiền nằm trong 1 trường nghĩa đặc tả tâm trạng uất ức, căm giận của bé Hồng. Có thể nói tình thương và niềm tin đối

với mẹ đã khiến người con thấu hiểu và suy nghĩ sâu hơn, xúc cảm rộng hơn. Từ cảnh ngộ riêng của người mẹ, từ những lời nói cay độc của người cô. Bé Hồng nghĩ tới những "Cổ tục" căm giận cái xã hội cũ kĩ đầy thành kiến độc ác đối với người phụ nữ gặp hoàn cảnh éo le.

Qua diễn biến tâm trạng cảm xúc của bé Hồng trước bà cô, nhà văn đã cho người đọc thấy được nỗi bất hạnh của phụ nữ và trẻ em trong xã hội cũ. Đồng thời thấy được bản lĩnh cứng cỏi, một tấm lòng thiết tha của đứa con rất mực thương yêu và tin mẹ của bé Hồng.

NV6

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc lại khổ thơ 4 đến khổ 6 của bài thơ và trả lời câu hỏi:

- + *Bé Hồng gặp mẹ trong hoàn cảnh nào?*
- + *Khi gọi mẹ ời, Hồng có biết chắc đó là mẹ mình không? Tiếng gọi đó cho ta biết điều gì?*
- + *Nếu người ngồi trên xe kéo không phải là mẹ Hồng thì điều gì sẽ xảy ra? Cảm giác tủi thẹn của bé Hồng được diễn tả bằng hình ảnh nào? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy?*
- + *Cử chỉ của Hồng khi gặp mẹ ntn?*

*** Khi được gặp mẹ**

- Gọi "mợ ời!"-> Khao khát được gặp mẹ

- Cử chỉ vội vã , bối rối

- > xúc động vui sướng

+ <i>Niềm vui sướng của bé Hồng khi được ngồi trong lòng mẹ được diễn tả xúc động qua những chi tiết nào?</i> + Bức tranh minh họa cho em cảm nhận điều gì về tình mẫu tử? + <i>Trình bày cảm nhận của em về niềm sung sướng cực điểm của bé Hồng khi được gặp mẹ qua các chi tiết trên?</i> + <i>Tình cảm, cảm xúc ấy của bé H được ghi lại bằng những câu văn ntn?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Hồng gặp mẹ trong một chiều tan học về, trong ngày giỗ đầu bố của Hồng. - Tiếng gọi bồi rối: Mẹ ơi! - Nếu người ngồi trên xe kéo không phải là mẹ Hồng thì sẽ làm trò cười cho lũ trẻ, làm Hồng tủi thẹn. - Cảm giác tủi thẹn của bé Hồng được diễn tả bằng hình ảnh: Khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm... - Khi gặp mẹ: Thở hồng hộc, trán đầm mồ hôi, khi trèo lên xe chân ríu lại, được mẹ xoa đầu thì oà khóc nức nở.	- Được ngồi trong lòng mẹ: + Cảm nhận mẹ vẫn trẻ đẹp và cả hơi thở thơm tho lạ thường. + Những cảm giác ấm áp mơn man khắp da thịt. + Khát khao được bé lại để mẹ yêu chiều... -> Niềm hạnh phúc, sung sướng cực điểm của đứa con luôn tin yêu mẹ. - Tình cảm, cảm xúc ấy được ghi lại bằng những câu văn chân thật, xúc động, giàu chất trữ tình.
--	--

- Niềm vui của Hồng thể hiện khi ngồi trong lòng mẹ:

+ Cảm nhận gương mặt mẹ vẫn tươi sáng, đôi mắt trong, nước da mịn

+ Những cảm giác ấm áp mơn man khắp da thịt

+ Hơi quần áo và cả hơi thở thơm tho lạ thường.

+ Nghĩ và khát khao được bé lại để được mẹ vuốt ve, gãi rôm ở sống lưng cho

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

Với một tâm hồn nhạy cảm, luôn tin yêu, khát khao tình mẹ, nên khi ngồi trong lòng mẹ tất cả các giác quan đều mở ra và thức dậy để tận hưởng cái cảm giác mơn man ngát ngây đắm say êm dịu vô cùng của tình máu mủ ruột thịt:

Bé Hồng đã nhận ra gương mặt mẹ vẫn tươi sáng, rục rờ như thuở nào và mẹ đang truyền cho con niềm vui, niềm hạnh phúc, cảm giác

ấm áp lạ thường từ hơi thở thơm tho. Đây là một bức tranh tràn ngập ánh sáng, đường nét với những sắc màu tươi tắn thoang thoảng hương thơm. Đây cũng là một thế giới dịu dàng kỉ niệm, ấm áp tình người. và cứ thế bé Hồng bỗng bình trong cảm giác sung sướng rạo rức của tình mẹ. Cái cảm giác mình đang bé lại hay niềm khao khát được bé lại để được làm nũng được mẹ vuốt ve chiều chuộng cứ lâng lâng tiếp nối ngỡ bé Hồng như đang sống trong mơ. và khi đó bé Hồng không còn nhớ mình đã hỏi, mẹ đã trả lời ntn, đặc biệt câu hỏi ác nghiệt của người cô tuy có vang lên, nhưng chìm ngay không mấy may nghĩ ngợi gì nữa. Thế mới biết bé H thương mẹ đến nhường nào và giây phút gặp mẹ đem lại cho chú cảm giác sung sướng ra sao.

NV7

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi:

+ Tóm gọn nội dung và ý nghĩa của Vb?

Những biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào tạo nên sự thành công trong trích đoạn...?

+ ***Trong lòng mẹ " Trích hồi kí " những ngày thơ ấu " của Nguyên Hồng đã để lại trong em những ấn tượng gì?***

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện

III. Tổng kết

1. Nội dung – Ý nghĩa:

* *Nội dung:* Nỗi cay đắng tủi cực và tình yêu thương cháy bỏng của bé Hồng đối với người mẹ bất hạnh.

nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	* <i>Ý nghĩa</i>: Tình mẫu tử là mạch tình cảm không bao giờ vơi trong tâm hồn con người. b. Nghệ thuật - Thể loại: hồi kí, bộc lộ được những cảm xúc, tâm trạng chân thực của tác giả. - Mạch truyện, mạch cảm xúc tự nhiên chân thực. - Kết hợp tự sự với miêu tả, biểu cảm tạo nên những rung động trong lòng người đọc. - Khắc hoạ tâm lí nhân vật sâu sắc.
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:

+ Đưa ra những dẫn chứng cho thấy đoạn trích Trong lòng mẹ thuộc thể loại hồi kí?

+ Văn bản có tiêu đề “Trong lòng mẹ”, em có đồng ý với cách đặt tiêu đề ấy không? Vì sao?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

1. Viết đoạn văn ngắn 5-7 câu nêu cảm nhận của em về tình mẫu tử được thể hiện trong đoạn trích.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV cung cấp thêm về tác giả Bình Nguyên và bài thơ

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

ĐỒNG THÁP MUỜI MÙA NƯỚC NỔI

____ Văn Công Hùng ____

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết được vẻ đẹp của vùng đất Đồng Tháp Mười.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ngôi kể, tính xác thực, cách kể sự việc, hình thức ghi chép), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa...) của văn bản du kí.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung, nghệ thuật văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của bài thơ với các VB cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh thêm yêu và tự hào về cảnh sắc thiên nhiên, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh, video về vùng Đồng Tháp Mười
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi cho HS suy nghĩ: <i>Em đã từng thực hiện một chuyến đi tham quan để khám phá, tìm hiểu về cảnh sắc và con người nơi nào trên đất nước ta? Đi bằng phương tiện gì? Cảm nhận của em về địa điểm tham quan đó?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Đất nước ta có bao cảnh sắc tươi đẹp. Ở mỗi nơi lại có những nét đặc trưng về thiên nhiên, con người. Trong bài học hôm nay, chúng ta cùng nhau khám phá vẻ đẹp của	- HS chia sẻ suy nghĩ

mảnh đất phương Nam xa xôi, về với vùng sông nước Đồng Tháp Mười mùa nước nổi.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + <i>Giới thiệu về tác giả?</i> + <i>Xác định thể loại VB? chỉ ra những yếu tố đặc trưng của thể loại qua VB ?</i> + <i>VB sử dụng ngôi kể thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể.</i> - GV hướng dẫn cách đọc: GV đọc mẫu một đoạn, sau đó gọi 2-3 HS đọc tiếp. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: <i>uước kiệt, phèn, cù lao, quốc hồn quốc túy</i> - HS lắng nghe.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Tác giả: Văn Công Hùng - Năm sinh: 1958 - Quê quán: Thừa Thiên Huế 2. Tác phẩm - Thể loại: Du kí. - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm. - Xuất xứ: Dẫn theo Báo Văn nghệ, số 49, tháng 12/2011. 2. Thể loại, ngôi kể: - Thể loại du kí: ghi chép lại những điều đã chứng kiến trong một chuyến

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: Du kí là một thể của kí, dùng để ghi lại những điều chứng kiến trong một chuyến đi diễn ra chưa lâu của bản thân tới một miền đất khác Ngôi kể ngôi thứ nhất trong truyện hoặc ký thường xưng "tôi", trực tiếp kể lại những gì đã chứng kiến, trải qua; trực tiếp thể hiện suy nghĩ, cảm xúc, tình cảm của mình,... Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung:.	đi diễn ra chưa lâu của bản thân tới một miền đất khác. - Ngôi kể: ngôi thứ nhất
--	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Tác giả đã lựa chọn những gì để làm nổi bật màu sắc riêng của Đồng Tháp Mười?</i> + <i>Xác định bố cục của VB?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: Văn bản được chia thành 6 phần, giới thiệu về thiên nhiên, cảnh quan, món ăn đặc sản và các khu di tích đặc sắc của ĐTM.	3. Bố cục: 6 phần

NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn, HS thảo luận theo nhóm: + Tác giả đã lựa chọn những những yếu tố nào để miêu tả thiên nhiên ĐTM? + Tìm những chi tiết nói đến vai trò quan trọng của lũ với ĐTM? + Kênh rạch được đào nhằm mục đích gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng Gv cho HS quan sát clip về vùng ĐTM và bổ sung: Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và vùng ĐTM nói riêng là vùng sông nước, nơi người dân đã quen “sống chung với lũ”. Lũ đến mang cho người dân nguồn tôm cá dồi	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Thiên nhiên, cảnh quan nơi Đồng Tháp Mười - Lũ: + Là nguồn sống của cả cư dân miền sông nước. + Mang phù sa mùa màng về, mang tôm cá về, làm nên một nền văn hóa đồng bằng. + Nếu không có lũ, nước kiệt đi thì sẽ rất khó khăn. - Kênh rạch: + Được đào để thông thương, lấy nước, lấy đất đắp đường. + Hệ thống kênh rạch chằng chịt, kê huyết mạch nối những cù lao, giồng,...thành một đồng bằng rộng lớn và đầy màu sắc.
---	---

dào, mang đến phù sa bồi đắp cho đồng bằng thêm màu mỡ...Từng con kênh, con rạch như tạo ra bản sắc riêng, đặc trưng cho đồng bằng.

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

Gv đặt câu hỏi, HS thảo luận nhóm:

+ Tác giả đã giải thích về tên gọi “tràm chim” như thế nào?

+ Thời điểm để quan sát được chim là khi nào? Em nhận xét gì về cảnh sắc đó?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

+ Tràm chim : rừng tràm và chim dày đặc thành vườn.

+ Muốn thấy chim phải chiều tối, hàng vạn, chục vạn con lớn bé to nhỏ rợp cả một khoảng trời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- **Tràm chim :** rừng tràm và chim dày đặc thành vườn.

+ Muốn thấy chim phải chiều tối, hàng vạn, chục vạn con lớn bé to nhỏ rợp cả một khoảng trời.

□ một vùng đất thiên nhiên trù phú

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi : + <i>Tại sao tác giả lại nói “về đây mới thấy, sen xứng đáng để...ngợi”?</i> + <i>Em có biết câu thơ hay bài hát nào ca ngợi về sen vùng Đồng Tháp Mười?</i> + <i>Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì?</i> + <i>Qua cách miêu tả về lũ, kênh rạch, tràm chim, sen, em nhận xét gì về cảnh quan thiên nhiên vùng ĐTM?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: + Sen bạt ngàn, chiếm không gian rộng lớn, bung nở giữa bùn, sen vươn lên kiêu hãnh □ ở đây mới xứng đáng để ngợi Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá để miêu tả về sen. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của	- Sen: thế lực của cái đẹp tự nhiên + Bạt ngàn, tinh khiết, ngạo nghễ, không chen chúc. → Nghệ thuật: nhân hóa. ⇒ Thiên nhiên, cảnh quan hùng vĩ, tươi đẹp, đặc biệt tại Đồng Tháp Mười.
---	---

bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức: Hoa sen có ở mọi miền đất nước, nhưng không ở đâu sen khiến người ta cảm thấy ngợp đến vậy, Bạt ngàn sen chen giữa rừng tràm, một không gian rộng lớn bát ngát chỉ có sen. Sen kiêu hãnh và tự tin khoe sắc hồng giữa nắng gió, tỏa hương đồng gió nội. Cả không gian ĐTM như nhường lại cho sen khoe sắc mỗi mùa sen. Bởi thế mà dân gian ta từng ca ngợi

Tháp Mười đẹp nhất bông sen

Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ

Không chỉ có cảnh sắc thiên nhiên, ĐTM còn nổi tiếng với những món ăn

NV5

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS theo dõi bài thơ và trả lời câu hỏi:

+ *Món ăn đặc trưng của ĐTM là gì?*

+ *Tác giả đã thể hiện thái độ, tình cảm với món ăn như thế nào?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện

2. Món ăn nơi Đồng Tháp Mười

- Món đặc trưng mùa nước là cá linh và bông điên điển.

nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Món đặc trưng mùa nước là cá linh và bông điên điển. - Thái độ của tác giả: miệt mài ăn hai món quốc hồn quốc túy, thưởng thức thời trân của đất trời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bình: Những món ăn bình dị, dân dã, có thể dễ dàng tìm thấy ở bất cứ nơi đâu vùng ĐTM. Được thưởng thức những tinh hoa từ thiên nhiên, trời đất ban tặng khiến tác giả cảm thấy trân trọng, nâng niu món ăn đặc sắc vùng quê sông nước. NV6 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS theo dõi bài theo và hãy giới thiệu ngắn gọn về di tích Gò Tháp	- Được thiết đãi món: cá linh kho tộ và bông điên điển xào tôm. - Tác giả đã trân trọng, miệt mài ăn, ăn thưởng thức.
---	--

+ Đoạn văn đã cung cấp cho người đọc nội dung gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Món đặc trưng mùa nước là cá linh và bông điên điển. - Thái độ của tác giả: miệt mài ăn hai món quốc hồn quốc túy, thưởng thức thời trân của đất trời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng NV7 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS theo dõi văn bản và trả lời: <i>Qua con mắt quan sát của tác giả, người dân vùng ĐTM hiện lên như thế nào?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện	3. Văn hoá và con người ĐTM a. Khu di tích nơi Đồng Tháp Mười: Gò Tháp. - Khu gò rộng khoảng 5 000 mét vuông và cao hơn khoảng 5 mét so với mực nước biển, nằm giữa rốn Đồng Tháp Mười. - Người ta khai quật được một di tích nền gạch cổ có khoảng 1500 năm trước và được công nhận là di tích quốc gia. - Là đại bản doanh của cụ Thiên hộ Dương và Đốc binh Kiều - hai vị anh hùng chống thực dân Pháp. Là căn cứ địa chống Mỹ cứu nước của cách mạng Việt Nam. - Tháp Sen được chọn để xây dựng ở đây như cách tôn vinh sen Đồng Tháp Mười. ⇒ Cung cấp kiến thức lịch sử về vùng đất Đồng Tháp Mười.
--	---

nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Người dân vui vẻ, hiền lành, năng động,... sống chung với nhịp nhàng nước kiết, nước ròng, những câu vọng cổ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng NV8 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS theo dõi văn bản và trả lời: <i>Qua VB, tác giả đã bộc lộ những tình cảm, cảm xúc gì về vùng đất này? Tìm những chi tiết thể hiện tâm trạng, tình cảm của tác giả?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Người viết ngổ ngàng về khái niệm tràm chim.	4. Con người nơi Đồng Tháp Mười - Người dân vui vẻ, hiền lành, năng động,... sống chung với nhịp nhàng nước kiết, nước ròng, những câu vọng cổ. - Thành phố vừa trẻ trung vừa hiện đại, có gu kiến trúc, vừa mềm vừa xanh, cứ nao nao câu hò,...
--	--

- Sự tiếc nuối khi không có nhiều thời gian: <i>Trong khi chúng tôi thì chỉ có một ngày cưỡi xe, mà lại muốn đi nhiều, thấy nhiều, chiêm ngưỡng nhiều,...</i> - Tận hưởng, trân trọng khi thưởng thức món ăn. - Choáng ngợp trước vẻ đẹp, sự kiêu hãnh của sen tại Đồng Tháp Mười. - Mở mang, đem đến thông tin về lịch sử cho người đọc chứ không chỉ kiến thức địa lí. - Cảm nhận về thành phố, cuộc sống về đêm trước khi ra về. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng NV9 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Văn bản có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	5. Cảm xúc tác giả khi được trải nghiệm vẻ đẹp Đồng Tháp Mười - Người viết từ ngõ ngàng đến tiếc nuối. - Tận hưởng, trân trọng khi thưởng thức món ăn. - Choáng ngợp trước vẻ đẹp, sự kiêu hãnh của sen tại Đồng Tháp Mười. - Mở mang, đem đến thông tin về lịch sử cho người đọc chứ không chỉ kiến thức địa lí. - Cảm nhận về thành phố, cuộc sống về đêm trước khi ra về. ⇒ Nhiều cảm xúc đan xen: ngõ ngàng, choáng ngợp, tận hưởng, tiếc nuối,... Tác giả trân trọng chuyến đi tìm hiểu về vùng đất mới này.
---	--

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: * <i>Nội dung:</i> Tác giả đã kể về trải nghiệm của bản thân khi được đến vùng đất Đồng Tháp Mười. Đó là một chuyến thú vị, tác giả đã được tìm hiểu nhiều hơn về cảnh vật, thiên nhiên, di tích, ẩm thực và cả con người nơi đây. * <i>Ý nghĩa:</i> thể hiện sự yêu mến, tự hào về cảnh đẹp thiên nhiên và con người vùng ĐTM. b. Nghệ thuật - Thể loại du kí ghi lại trải nghiệm về vùng đất mới.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV đặt câu hỏi:** *Từ văn bản trên, theo em, bài du kí về một vùng đất mới cần chú ý giới thiệu những gì?*

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Miêu tả về thiên nhiên Đồng Tháp Mười, tác giả đã viết về những yếu tố nào?

- A. Lũ, kênh rạch, tràm chim.
- B. Lũ, kênh rạch, sen, món ăn.
- C. Lũ, kênh rạch, món ăn.
- D. Lũ, kênh rạch, sen, tràm chim.

Câu 2: Món ăn đặc trưng của Đồng Tháp Mười mùa nước là gì?

- A. Bông điên điển, tôm.
- B. Bông điên điển, cá linh.
- C. Bông điên điển, cá linh, tôm, trà sen.
- D. Cá linh, tôm.

Câu 3: Đâu không phải cảm xúc của tác giả khi được khám phá Đồng Tháp Mười?

- A. Xót xa.
- B. Ngỡ ngàng.
- C. Trân trọng.
- D. Tiếc nuối.

Câu 4: Văn bản thuộc thể loại nào?

- A. Hồi kí
- B. Du kí

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

1. Nếu được đi thăm Đồng Tháp Mười, em sẽ đến nơi nào trong bài du kí?

Vì sao? Hãy trình bày bằng một đoạn văn ngắn 5-7 câu.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nhận biết được từ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn.
- Nhận biết được từ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn và tác dụng của nó trong văn bản.
- Vận dụng từ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn trong các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện từ đa nghĩa, đa âm, từ mượn trong VB.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 4 tổ tham gia trò chơi: <i>Ai nhanh hơn?</i> Em hãy tìm những từ được ghép với từ <i>mắt, ăn</i> và phải có nghĩa. Tổ nào tìm được nhiều nhất sẽ chiến thắng. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv dẫn dắt: Tiếng Việt vô cùng phong phú và đa dạng, người viết có thể sử dụng cách nói đa nghĩa để biểu thị được suy nghĩ, tình cảm của mình. Bên cạnh những ngôn ngữ vốn có của dân tộc, cha ông ta còn sử dụng ngôn ngữ mượn từ nước ngoài, Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.	- HS tìm ra một số từ láy: mũm mĩm, tròn trịa, gầy gò, nhanh nhẹn, dịu dàng,

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về từ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn

- Mục tiêu:** Nắm được cách xác định từ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn.
- Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 : Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Dựa vào hiểu biết thực tế, hãy xác định nghĩa của từ ăn? Tìm các từ ghép với từ ăn và giải thích nghĩa? + Từ “ăn” là từ đa nghĩa, vậy em hiểu thế nào là từ đa nghĩa? - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ + Dự kiến sản phẩm: Ăn: là một hành động đưa thức ăn vào cơ thể qua miệng. Các từ ghép với từ ăn: ăn tết, ăn cưới, ăn ảnh Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. - GV củng cố kiến thức: Từ “ăn” có hơn 10 nghĩa, như vậy các từ cùng có từ ăn như ăn	I.Lí thuyết 1. Từ đa nghĩa - Từ đa nghĩa là từ có hai nghĩa trở lên.

com, ăn tết, tàu ăn than... được gọi là từ đa nghĩa.

NV2 :

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS quan sát ví dụ: *Hãy cho biết nghĩa của từ “kho” trong hai câu văn sau có giống nhau không?*

a. Mẹ em đang kho cá.

b. Nhà kho này rất rộng.

- HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện nhiệm vụ

+ Dự kiến sản phẩm: Từ “kho” trong câu a chỉ hành động làm chín cá bằng nấu chín lên trong thời gian dài. Từ “kho” trong câu b chỉ một loại nhà có diện tích rộng lớn để đựng được nhiều đồ đạc, hàng hoá.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.

2. Từ đồng âm

- **Từ đồng âm** là những từ có cách phát âm và viết chữ giống nhau nhưng có nghĩa khác nhau.

- GV củng cố kiến thức: Từ “kho” trong hai câu trên là từ đồng âm, là những từ có cách phát âm và viết chữ giống nhau nhưng có nghĩa khác nhau.

Trong câu mỗi từ thường chỉ được dùng với một nghĩa. Để hiểu đúng nghĩa của từ trong câu, cần dựa vào các từ ngữ xung quanh nó. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, người nói, người viết có thể cố ý dùng một từ theo hai nghĩa như một cách chơi chữ.

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV giới thiệu: bên cạnh từ thuần Việt, trong vốn ngôn ngữ của chúng ta còn có từ mượn.

Chúng ta cùng tìm hiểu qua ví dụ sau:

- GV yêu cầu HS quan sát ngữ liệu:

Bằng nỗi khát khao và trân trọng của mình, tôi đã miệt mài ăn hai món quốc hồn quốc túy ấy.

+ Dựa vào chú thích văn bản ĐTM mùa nước nổi trang 57, giải thích từ “quốc hồn quốc túy”

+ Có những loại từ mượn nào?

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện nhiệm vụ

+ Dự kiến sản phẩm:

Quốc hồn quốc túy: là những tinh hoa trong nền văn hoá của một dân tộc, một quốc gia.

3. Từ mượn

- **Từ mượn** là những từ mượn tiếng nước ngoài để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm,... mà tiếng Việt chưa có từ thích hợp để biểu thị.

- **Phân loại:**

+ Từ mượn tiếng Hán

+ từ mượn tiếng Pháp

+ Từ mượn tiếng Anh

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.
 - GV củng cố kiến thức: Các từ đã được Việt hóa thì viết như tiếng Việt. Còn thuật ngữ khoa học thì cần viết theo nguyên trạng để dễ tra cứu khi cần thiết, ví dụ: acid, oxygen, hydro,...
- Mượn từ là một cách làm giàu cho ngôn ngữ dân tộc. Tuy nhiên để bảo vệ sự trong sáng của ngôn ngữ dân tộc chỉ nên mượn từ khi thật sự cần thiết và đã mượn thì phải tìm hiểu kĩ để sử dụng cho đúng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	Bài tập 1/ trang 59 a, Từ chân chỉ bộ phận cơ thể người.

- **Miệng:** miệng chén, miệng bát, miệng chum,...

thể người và kể ra một số ví dụ về sự chuyển nghĩa của chúng (sang nghĩa chỉ bộ phận của vật).

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

HS chỉ ra được các từ chỉ **bộ phận cơ thể người** và kể ra một số ví dụ về sự chuyển nghĩa của chúng.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 3. Chia lớp thành 6 nhóm.

Nhóm 1-3: làm ý a

Nhóm 2-5: làm ý

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bài 3/ trang 59

a)

- *chín (đổ cây)*: chỉ **trạng thái** đã sẵn sàng thu hoạch của quýt.

- *chín (một nghề thì chín)*: chỉ sự **thành thạo, chuyên nghiệp, lành nghề**.

- *chín (nghề)*: chỉ số đếm.

b)

- *cắt (nhanh như cắt)*: chỉ loài chim

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng NV4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. Yêu cầu HS xác định từ mượn có trong các câu và sử dụng từ điển tra các tiếng đó nguyên dạng trong tiếng Pháp, tiếng Anh. - GV đặt tiếp câu hỏi: <i>Theo em, có thể thay thế các từ mượn ở bài 4 bằng các từ gốc Việt không? Vì sao?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi	- cắt (giục đi cắt) chỉ một hành động dùng kéo/ liềm/...để dọn sạch cỏ. - cắt (mất một đoạn) chỉ hành động lược bỏ ngôn từ cho ngắn gọn. - cắt (lượt) chỉ sự phân công, phân chia, thay phiên. Bài 4+ 5 / trang 60 a, ô tô □ Tiếng Pháp: auto. b, xu □ Tiếng Anh: cent. c, tuốc nơ vít □ Tiếng Pháp: tournevis. d, ti vi □ Tiếng Anh: TV - television. e, các tông □ Tiếng Anh: carton. - Không thể thay thế các từ mượn ở bài 4 bằng các từ gốc Việt. Vì từ gốc Việt chưa có các từ phù hợp để diễn tả.
--	--

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	
--	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Đọc văn bản *Về từ "ngọt"* và viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 - 5 dòng) cho biết: Theo tác giả, khái niệm "ngọt" trong tiếng Việt đã được nhận thức qua giác quan nào?

GV hướng dẫn HS:

Về nội dung: đọc văn bản và tìm ý, chỉ ra từ ngọt được cảm nhận qua những giác quan nào

Về hình thức: Trình bày đoạn văn cần đảm bảo đủ dung lượng câu, đảm bảo hình thức của 1 đoạn văn.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
--------------------	----------------------	------------------	---------

- Hình thức hỏi – đáp - Tổ chức trò chơi	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	
---	---	--	--

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU THỜI THƠ ẤU CỦA HON – ĐA

Hon-đa Sô-i-chi-rô

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ngôi kể, tính xác thực, cách kể sự việc, hình thức ghi chép), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa...) của văn bản hồi kí.
- Biết được những kỉ niệm thời thơ ấu

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến VB, tác giả *Hon-đa Sô-i-chi-rô*.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về hồi kí.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của VB với các VB có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Trân trọng những kỉ niệm thời thơ ấu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về tình cảm gia đình
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: <i>Thời thơ ấu, em có ước mơ sẽ trở thành một người như thế nào trong tương lai không? Hãy chia sẻ cùng cả lớp.</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Ai cũng từng trải qua thời thơ ấu của mình. Nhớ về thời thơ ấu, người ta có thể nhắc lại các kỉ niệm buồn vui, những thành công hay thất bại, những hạnh phúc hay đau đớn, tổn thương. Hon-đa Sô-i-chi-rô hồi tưởng lại những suy nghĩ, hành vi thời thơ ấu của mình. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu hồi kí Thời thơ ấu của Hon-đa.	- HS kể và nêu cảm xúc của bản thân.
--	---

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm, thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào phần chuẩn bị của HS ở nhà, hãy nêu những thông tin về tác giả, tác phẩm. - GV hướng dẫn cách đọc: GV hướng dẫn HS đọc văn bản thể hiện được cảm xúc, tâm trạng của tác giả khi kể lại thời thơ ấu của mình. - GV đặt câu hỏi: <i>Vb có thể chia bố cục thành mấy phần?</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Tên: Hon-đa Sô-i-chi-rô - Năm sinh – năm mất: 1906 – 1991 - Quê quán: làng Komyo, quận Iwata, nay là thành Tenryu, thành phố Hamamatsu, tỉnh Shizouka, Nhật Bản. - Là người sáng lập ra hãng xe Honda. 2. Tác phẩm - Thể loại: Hồi kí. - Xuất xứ: Trích từ <i>Biển giấc mơ thành sức mạnh đi tới (Bản lí lịch đời tôi)</i>. - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm. 3. Đọc - chú thích 4. Bố cục: 3 phần

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: + Phần 1 (từ đầu đến <i>không diễn tả được</i>): Xuất thân và tuổi thơ của nhân vật tôi. + Phần 2 (tiếp đến <i>cổng em chạy đi xem</i>): Quãng thời gian đi học và niềm hứng thú của nhân vật tôi với oto. + Phần 3 (còn lại): Kỉ niệm đi xem cuộc biểu diễn máy bay của nhân vật tôi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

- a. **Mục tiêu:** Hiểu được nội dung và nghệ thuật từng bài ca dao.
- b. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần (1) và trả lời các câu hỏi: + <i>Phần đầu của hồi kí, tác giả đã giới thiệu những thông tin gì?</i> + <i>Những thông tin đó thể hiện đặc điểm gì của hồi kí?</i> - GV yêu cầu HS đọc tiếp phần (2) và trả lời tiếp các câu hỏi: + <i>Nhân vật tôi có sở thích là gì khi còn nhỏ?</i> + <i>Việc nhân vật nhớ lại sở thích khi còn nhỏ có ý nghĩa gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Xuất thân: + Sinh năm 1906. + Quê: Làng Komyo, quận Iwata, nay là thành Tenryu, thành phố Hamamatsu, tỉnh Shizouka. + Cha là Gihei, làm nghề thợ rèn. + Nhà rất nghèo, đời ông làm nông. + Là trưởng nam trong gia đình, hàng ngày phải cõng em gái đến trường, giúp cha đập ống thổi lửa. - Thời thơ ấu:	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Xuất thân và tuổi thơ của nhân vật tôi - Phần đầu giới thiệu những thông tin về hoàn cảnh xuất thân, gia đình của nhân vật. - Thời thơ ấu: thích chơi với máy móc, động cơ từ hồi nhỏ ⇒ Từ nhỏ đã được tiếp xúc với máy móc, kĩ thuật nên có hứng thú từ sớm.
--	--

+ Lớn lên trong tiếng phì phò thổi của ống thổi lò, với âm thanh chan chát của tiếng đe, tiếng búa.

+ Hay được ông công đến tiệm xay lúa chơi.

+ Thể hiện sự hứng thú với kĩ thuật, máy móc từ rất sớm.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV bổ sung:

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS theo dõi phần tiếp theo của VB và trả lời câu hỏi:

+ *Những chi tiết nào nói lên niềm yêu thích của cậu bé Hon-đa với máy móc, kĩ thuật*

+ *Theo em, điều đó đã bộc lộ thiên hướng gì ở cậu bé?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

2. Sự quan tâm, hứng thú của Hon-đa với kĩ thuật

- Càng trưởng thành thì đam mê, hứng thú với máy móc, kĩ thuật càng lớn. Có ước mơ mong muốn sau này có thể tự làm một chiếc xe.

Dự kiến sản phẩm:

+ Cậu bé Hon-đa học kém môn thực vật và sinh vật, thích thú khi bắt đầu thấy xuất hiện pin, cân, ống nghiệm, máy móc.

+ Khi xem ti vi bằng tai và mắt thì cảm nhận mọi việc nhạy bén hơn. Còn nhỏ khi làng có điện, cảm phục những chú thợ điện với túi đồ nghề treo lên cột điện nối dây cáp.

+ Năm lớp 2 hoặc lớp 3, khi thấy oto liền bám theo, phân khích. Dí mũi xuống mặt đất, ngửi khịt khịt như chó ngửi, lấy tay quẹt dầu rồi đưa lên mũi hít vào đây lồng ngực. Nảy ra ước mơ sau này làm một chiếc xe. Sau đó, cứ đi học lại công em đi xem oto.

+ Khi học lớp 2, đi 20km xem biểu diễn máy bay ở Liên đội Bộ binh Ha-ma-mát-su.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

Gv bổ sung:

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc đoạn văn (4), thảo luận câu hỏi

+ Tác giả đã kể lại sự việc gì đã diễn ra?

3. *Kỉ niệm đi xem biểu diễn máy bay đáng nhớ của Hon-đa*

- Sự kiện diễn ra: mùa thu 1914, cách nhà 20 ki-lô-mét có cuộc biểu diễn máy bay ở Liên đội Bộ binh Ha-ma-mát-su.

+ Cậu bé Hon-đa đã làm những việc gì để được xem máy bay thật biểu diễn? + Cảm xúc của Hon-đa khi được xem buổi biểu diễn máy bay? Qua đó em có nhận xét gì về niềm đam mê của cậu bé? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Thời gian: mùa thu 1914. - Sự kiện: cách nhà 20 ki-lô-mét có cuộc biểu diễn máy bay ở Liên đội Bộ binh Ha-ma-mát-su. - Diễn biến: + Chuẩn bị: trước đó vài ngày, lén lúc cả nhà không để ý, lấy 2 xu làm tiền lộ phí. + Lén gia đình đi: Đến ngày đó, lấy xe đạp cha đạp đến, trốn học, đạp xe không dễ dàng. + Khi gặp khó khăn: không đủ tiền vé vào cửa, trèo lên cây thông lớn, bẻ cành để ngụy trang phía dưới. + Khi về, vì quá ấn tượng nên xin cha mua cho chiếc mũ kết, tự tay làm cặp kính, gắn quạt gió lên xe đạp, bắt chước phi công. - Cảm xúc: + Khi nhìn thấy doanh trại Liên đội thì tim đập liên hồi không ngừng. + Vô cùng cảm kích khi thấy chiếc Neils Smith bay lên.	- Hon-đa đã cố gắng bằng mọi cách để được xem buổi biểu diễn máy bay
--	---

+ Trên đường về đạp xe không biết mệt. Ấn tượng với hình ảnh người phi công hùng dũng.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận
+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV4:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi :

+ *Cậu bé Hon-đa đã chọn bắt chước những trang bị nào của phi công? Vì sao?*

+ *Qua đoạn trích, em thấy những dấu hiệu sớm bộc lộ thiên hướng về kỹ thuật của Hon-đa có liên quan gì đến sự nghiệp của ông sau này?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm: ắt chước làm phi công, đặc ý đạp chiếc xe.

- Cậu bé mơ ước trở thành phi công ☐ Sự hứng thú đã dần trở thành đam mê, ước mơ.

☐ Hon-đa là cậu bé có ước mơ, có nỗ lực và không chịu khuất phục bởi hoàn cảnh.

- Những việc làm của Hon-đa: xin mua một chiếc mũ kết, tự tay làm một cặp kính đeo mắt của phi công, bắt chước phi công.

Qua đoạn trích hồi kí trên, em thấy những dấu hiệu sớm bộc lộ thiên hướng về kĩ thuật của Hon-đa có liên quan gì đến sự nghiệp của ông sau này là:

- + Sự hứng thú với máy móc, kĩ thuật.
- + Sự kiên định, không khuất phục khó khăn.
- + Có ước mơ, đam mê.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV bổ sung: Cậu bé Hon-đa đã bộc lộ niềm yêu thích, say mê với kĩ thuật, máy móc của mình từ khi còn bé. Cậu đã làm mọi việc để theo đuổi đam mê và ước mơ của mình. Đó là những khát vọng hoàn toàn chính đáng và rồi, cậu bé Hon-đa ngày nào đã rất thành công khi sáng lập ra hãng xe Hon-đa nổi tiếng toàn thế giới.

NV5

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Rút ra nội dung và ý nghĩa của văn bản? + Nhận xét về nghệ thuật văn bản - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: Đoạn kí Thời thơ ấu của Hon-đa kể về tuổi thơ sớm nhận ra hứng thú của Hon-đa với máy móc, kĩ thuật. Đồng thời, tác phẩm cũng nêu lên ước mơ, đam mê của tác giả, một trong những yếu tố liên quan đến sự nghiệp của ông sau này. 2. Nghệ thuật - Tác phẩm viết theo thể hồi kí. - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thảo luận, trả lời câu hỏi:

1. Những chi tiết nào chứng tỏ nhân vật tôi thời thơ ấu đã rất yêu thích máy móc?

2. Đặc điểm của thể hồi kí được thể hiện ở văn bản này như thế nào? Hãy chỉ ra một số biểu hiện cụ thể.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Qua câu chuyện của cậu bé Hon-đa, em có suy nghĩ gì về việc mỗi người cần sống có ước mơ và theo đuổi ước mơ của mình?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ VỀ MỘT KỈ NIỆM CỦA BẢN THÂN

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Biết viết, kể về một kỉ niệm sâu sắc của bản thân

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - Gv gợi mở vấn đề: Trong kỉ niệm tuổi thơ của mình, các con có kỉ niệm nào ấn tượng và sâu sắc, để lại trong tâm trí không? HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá <i>GV dẫn dắt vài bài:</i> Bài học hôm nay sẽ giúp các em có được những kĩ năng	- HS chia sẻ

để làm một bài văn chia sẻ về những kỉ niệm của bản thân.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn chia sẻ về kỉ niệm của bản thân

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu đối với bài văn chia sẻ về kỉ niệm của bản thân.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS nhớ lại văn bản Thời thơ ấu của Hon-đa và trả lời câu hỏi: + <i>Câu bé Hon-đa đã kể lại kỉ niệm thời thơ ấu của mình. Vậy kỉ niệm là gì?</i> + <i>Hỏi kĩ sử dụng ngôi kể thứ mấy?</i> + <i>Tại sao khi viết bài văn kể lại một kỉ niệm của bản thân, người viết cần dùng ngôi thứ nhất?</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	I. Tìm hiểu yêu cầu - Kỉ niệm là những câu chuyện còn giữ lại được trong trí nhớ của mỗi người. - Viết bài văn kể về một kỉ niệm là ghi lại những điều thú vị, có ấn tượng sâu sắc về một sự việc trong quá khứ mà em đã chứng kiến và trải nghiệm.

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

Dự kiến sản phẩm:

- **Kỉ niệm** là những câu chuyện còn giữ lại được trong trí nhớ của mỗi người.

- Trong bài viết, người kể sử dụng ngôi thứ nhất, thường xưng "tôi". Vì đây là trải nghiệm của bản thân người viết, dùng ngôi thứ nhất đem lại cảm giác chân thực, diễn tả trọn vẹn suy nghĩ, cảm xúc của người viết về kỉ niệm đó.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS: theo dõi văn bản mẫu tham khảo Người thủ thư thời thơ ấu và hãy rút ra những yêu cầu cần thực hiện khi viết bài văn kể về kỉ niệm của bản thân.

2. Phân tích bài viết tham khảo

- Xác định kỉ niệm được kể lại và nêu tên kỉ niệm đó ở nhan đề của bài viết.

- Kể về kỉ niệm đã xảy ra như thế nào? Có gì đặc sắc và đáng nhớ?

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất, xưng "tôi" để dễ dàng trình bày những quan sát, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- HS chép lại các dòng thơ vào vở và điền kí hiệu dấu bằng (B) và dấu trắc (T) - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS đọc và nắm được yêu cầu. Dự kiến sản phẩm: - Xác định kỉ niệm được kể lại và nêu tên kỉ niệm đó ở nhan đề của bài viết. - Kể về kỉ niệm đã xảy ra như thế nào? Có gì đặc sắc và đáng nhớ? - Sử dụng ngôi kể thứ nhất, xưng "tôi" để dễ dàng trình bày những quan sát, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân. - Suy nghĩ về những ảnh hưởng, tác động của kỉ niệm ấy. - Kết thúc: Nói lên mong ước và cảm nghĩ của người viết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	- Suy nghĩ về những ảnh hưởng, tác động của kỉ niệm ấy. - Kết thúc: Nói lên mong ước và cảm nghĩ của người viết.
--	---

Hoạt động 2: Thực hành

a. Mục tiêu: Nắm được cách làm một bài văn kể về kỉ niệm của bản thân

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của đề. - GV hướng dẫn HS thực hiện theo các bước, tìm ý và xây dựng lập dàn ý. - GV yêu cầu HS viết bài từ dàn ý đã làm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. - Gv hướng dẫn, làm mẫu các câu cho	Đề bài: Kể lại một kỉ niệm sâu sắc của em với thầy cô, bạn bè khi học ở trường. * Các bước tiến hành: - Chuẩn bị - Tìm ý và lập dàn ý: Tìm ý bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo 3 phần lớn của bài văn. - Viết bài dựa vào dàn ý. - Kiểm tra, chỉnh sửa

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS thực hành, viết bài theo yêu cầu của đề.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS đọc, tham khảo bài viết về kỉ niệm thời thơ ấu để học hỏi, rút kinh nghiệm.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Hình thức viết bài kiểm tra tại lớp	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung. - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

NÓI VÀ NGHE

KỂ VỀ MỘT KỈ NIỆM CỦA BẢN THÂN

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS biết cách kể lại một kỉ niệm của bản thân.
- Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói thể hiện được khả năng trình diễn một bài tự thuật.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu xem lại phần bài viết trong tiết trước, để chuẩn bị cho nội dung nói trong tiết này. HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá <i>GV dẫn dắt vài bài:</i> Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành cách trình bày nói, kể lại một kỉ niệm của bản thân.	HS chuẩn bị bài.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

- a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.
- b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu rõ yêu cầu: HS đọc phần định hướng trong sách và nắm được những yêu cầu khi kể về một kỉ niệm. - GV đặt các câu hỏi: + <i>Khi kể lại một kỉ niệm của bản thân, em sẽ kể lại sự việc như thế nào? sử dụng ngôi kể thứ mấy?</i> + <i>Đối tượng người nghe của em là những ai?</i> + <i>Thời gian trình bày bài nói là bao nhiêu?</i> + <i>Các bước tiến hành bài làm?</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. + Các nhóm luyện nói Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận	1. Yêu cầu - Xác định kỉ niệm mình sẽ kể. Ví dụ: Chuyện cô giáo giúp em trong học tập. - Xây dựng dàn ý cho bài kể miệng. - Phân biệt cách nói miệng (văn nói) và cách viết (văn viết).

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài làm theo các bước. Các nhóm thực hành nói và nghe trong tổ, góp ý và sửa chữa để bài làm hoàn chỉnh.

- HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

+ Các nhóm luyện nói

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.

2. Thực hành

Kể lại một kỉ niệm sâu sắc của em với thầy cô, bạn bè khi học ở trường tiểu học.

a) Chuẩn bị

- **Xem lại bài viết** kể lại một kỉ niệm sâu sắc của em với thầy cô, bạn bè,... ở phần *Viết*.

- **Dự kiến các phương tiện hỗ trợ** (tranh, ảnh, video,...) cho việc kể (nếu có).

b) Tìm ý và lập dàn ý

Dựa vào dàn ý đã làm ở phần *Viết*, **có thể bổ sung hoặc thêm, bớt** cho nội dung kể về kỉ niệm của bản thân.

--	--

Hoạt động 2: Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ cho người nói và người nghe - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu. GV lưu ý HS tận dụng được lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời nói như sử dụng ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo nên sự hấp dẫn, sinh động cho bài nói. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm:	3. Trình bày bài viết - Dựa vào dàn ý để kể lại kỉ niệm của bản thân. - Lưu ý: kể lại kỉ niệm theo trật tự thời gian; tập trung vào sự việc quan trọng; sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	
---	--

Hoạt động 2: Trao đổi về bài nói

a. Mục tiêu: Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá. - Người nói: Xem lại nội dung bài nói đã đầy đủ chưa? Còn thiếu nội dung nào? Có mắc các lỗi về cách kể không?;... - Người nghe: Nắm được nội dung kĩ niệm mà người kể đã trình bày, tránh mắc các lỗi khi nghe. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực	4. Kiểm tra và chỉnh sửa - Rút kinh nghiệm về nội dung và cách thức kể lại một kỉ niệm của bản thân.

hiện nhiệm vụ + HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS đọc tham khảo một số bài văn hay về kể một kỉ niệm của bản thân để có thêm kinh nghiệm.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	